

BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 03 năm 2023

Mục Lục

Tóm tắt	tr.3
Kinh tế Vĩ mô tháng 02.....	tr.4
Trái phiếu doanh nghiệp tháng 02.....	tr.14
Tổng quan TTCK tháng 02.....	tr.16
Triển vọng TTCK tháng 02.....	tr.33
Lịch sự kiện tháng 03	tr.37
Danh sách mã khuyến nghị năm 2023.....	tr.38
Tuyên bố miễn trừ.....	tr.45

TÓM TẮT

- VN-INDEX giảm điểm và đóng cửa cuối tháng 2 tại 1.024,68 điểm giảm 7,78% so với tháng 1 và tăng 1,74% so với cuối năm 2022, HNX-Index là 202,38 điểm (-9,01% MoM và -1,43% YTD), Upcom là 76,44 điểm (+0,79% MoM và +6,68% YTD) chủ yếu do chịu tác động bởi FED tăng lãi suất và diễn biến thị trường trái phiếu khi nhiều doanh nghiệp xin gia hạn thanh toán trái phiếu đến hạn. Nhóm cổ phiếu trong VN-30 chịu áp lực bán và nhiều mã giảm mạnh như VHM, MSN, nhóm cổ phiếu ngân hàng...trong khi chỉ số Smallcap giảm điểm ít hơn thị trường chung nhờ có dòng tiền từ nhóm nhà đầu tư cá nhân gia tăng.
- Thanh khoản thị trường giảm nhẹ 3,6% trong tháng 02/2023 chủ yếu do giao dịch tại HOSE giảm 4,98% trong khi tại sàn HNX và Upcom lần lượt tăng 4,46% và 3,63%. Trái ngược với 3 tháng mua ròng trước đó, nhà đầu tư tổ chức quay sang bán ròng trong tháng 2, nhà đầu tư cá nhân lại là nhóm mua ròng. Tính chung 2 tháng đầu năm, giá trị giao dịch trung bình toàn thị trường chỉ đạt 11.900 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh tới 60,5% so với cùng kỳ năm 2022.
- Khối ngoại bán ròng 262,7 tỷ đồng trong tháng 2 chủ yếu tại HOSE (-639,3 tỷ đồng) trong khi tiếp tục mua ròng tháng thứ 4 liên tiếp tại HNX và Upcom. Dòng tiền hút ròng từ các quỹ ETF vào Việt Nam vẫn duy trì khá tốt trong tháng 2 mặc dù có dấu hiệu giảm so với tháng 1, một số quỹ quay sang bán ròng như DCVFMVN30 ETF (-2,4 triệu USD), KIM Growth (-2,7 triệu USD).
- Các chỉ số vĩ mô nhìn chung ổn định trong tháng 2 khi PMI đã quay trở lại trên mốc 50 điểm sau 3 tháng suy giảm, xuất khẩu tăng trở lại và cán cân thương mại duy trì thặng dư. Mặt bằng lãi suất huy động tại cuối tháng 2 giảm 0,3% so với cuối tháng 1 và có xu hướng tiếp tục giảm trong tháng 3 qua đó giúp các NHTM đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng. Tín dụng toàn hệ thống 2 tháng đầu năm 2023 tăng 0,77%, nhiều ngân hàng đã được cấp chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng lần 1, trung bình khoảng 9,5%.
- Chúng tôi dự đoán thị trường có thể sẽ đi ngang và giằng co trong tháng 3 với biên độ trong khoảng 1.015 điểm - 1.095 điểm. Trong tháng 3 một số sự kiện đáng lưu ý là các quỹ ETF như FTSE Vietnam Swap, VanEck Vietnam, Fubon sẽ tiến hành tái cơ cấu danh mục và FED sẽ có cuộc họp chính sách vào ngày 22/3.

The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the curvature of the planet and the dark silhouettes of continents. A network of white lines and dots is overlaid on the globe, suggesting a digital or technological theme. The text is centered within a white rectangular frame.

KINH TẾ VĨ MÔ
THÁNG 02

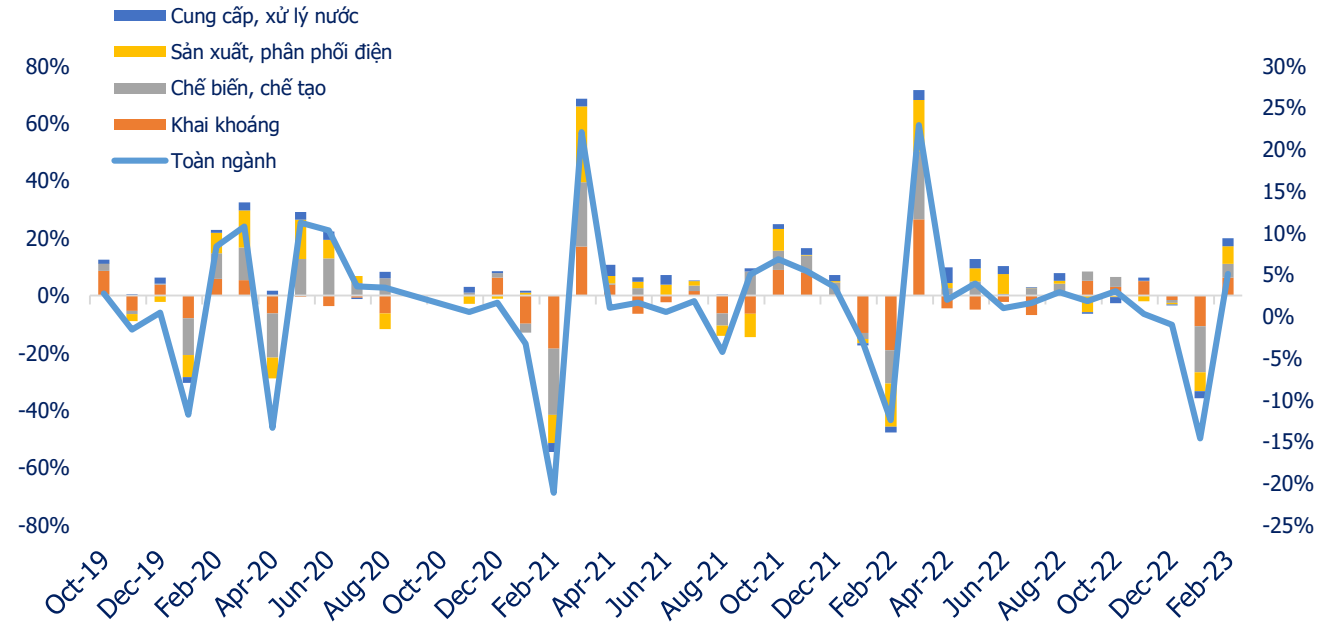
KINH TẾ VĨ MÔ NĂM THÁNG 2

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 2 tăng 5,1% MoM và tăng 3,6% YoY do số ngày làm việc nhiều hơn. Tuy nhiên tính chung 2 tháng đầu năm, IIP lại giảm 6,3% so với cùng kỳ do các đơn hàng và kim ngạch xuất khẩu giảm. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm mạnh nhất với 6,9%, đóng góp vào mức giảm chung 5,3%.

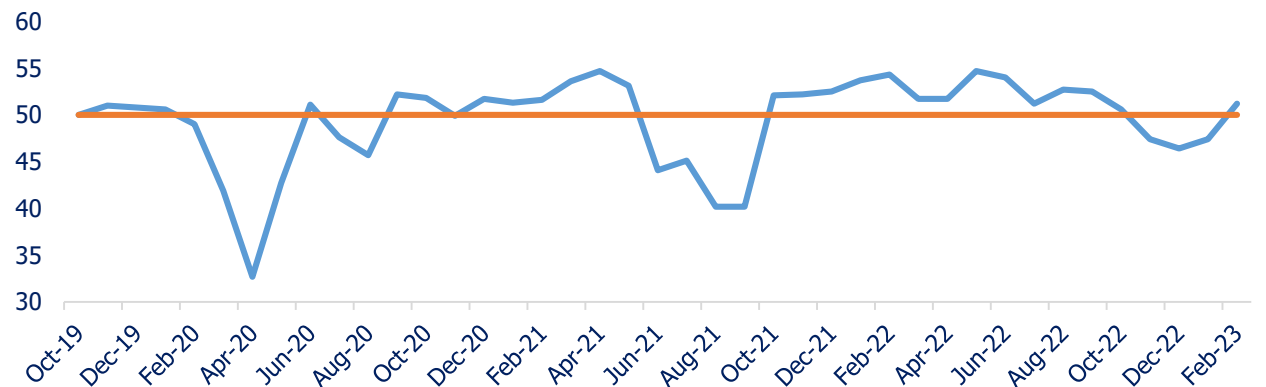
PMI tháng 02 đạt 51,2 điểm – kết thúc chuỗi giảm kéo dài 3 tháng khi số lượng đơn đặt hàng mới, sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng đều có xu hướng tăng trở lại. Điều này cho thấy sức khỏe ngành sản xuất đã bắt đầu cải thiện sau thời kỳ suy giảm kéo dài:

- Sự cải thiện của nhu cầu thị trường là nhân tố giúp các công ty có được khách hàng mới và đơn đặt hàng mới tăng. Hơn nữa, mức tăng số lượng đơn đặt hàng mới là mạnh nhất kể từ tháng 8 năm ngoái.
- Cả việc làm và hoạt động mua hàng đều tăng lần đầu trong vòng bốn tháng dù mức tăng chỉ là nhẹ, giúp các công ty giải quyết tốt lượng công việc cần thực hiện.
- Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí đầu vào đã nhanh hơn tháng thứ sáu liên tiếp và đạt mức cao nhất kể từ tháng 6/2022 do giá của nhà cung cấp tăng và tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (%MoM)



Chỉ số PMI



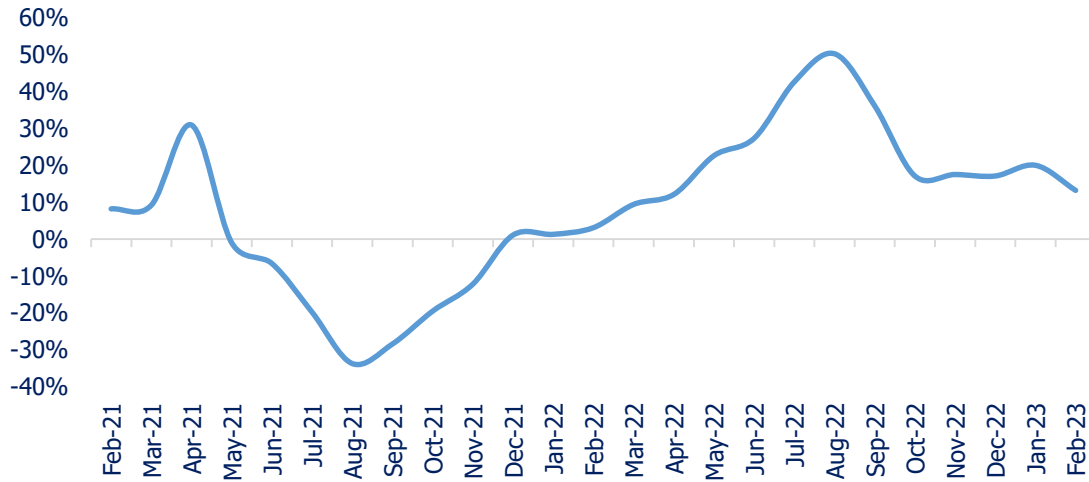


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

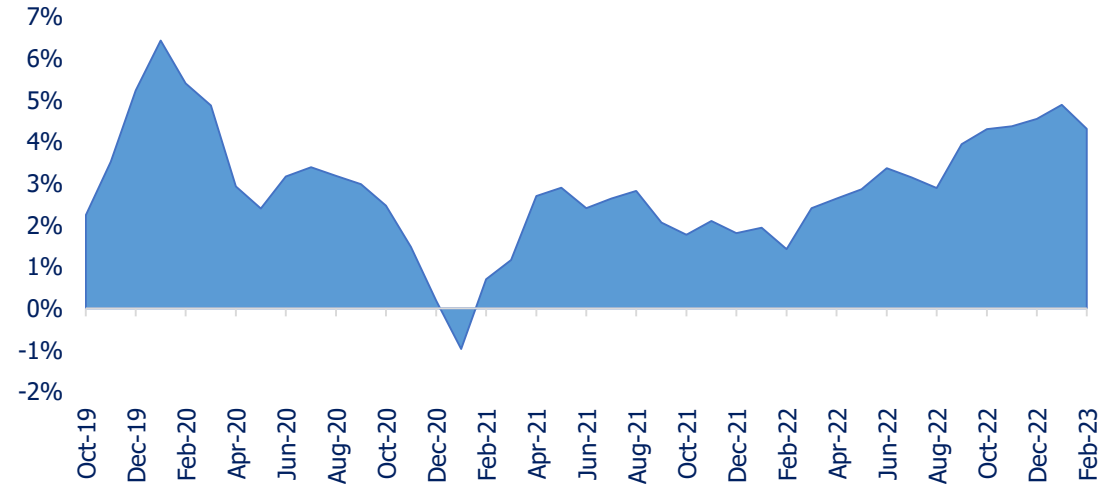
Sức mua trở lại bình thường sau dịp Tết. Theo đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2023 giảm 6% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 481,8 nghìn tỷ đồng. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 10,1% yoy; nhóm dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 31,6% yoy, doanh thu du lịch lữ hành gấp 2,2 lần cùng kỳ do nhiều địa phương tổ chức các hoạt động khai xuân thu hút khách du lịch. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 994,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,2%.

CPI tháng 02 tăng 0,45% so với tháng trước do ảnh hưởng mạnh từ nhóm giao thông và nhà ở & VLXD. Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất (+2,11%) chủ yếu do giá xăng, dầu tăng 5,66%, do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 13/02/2023 và 21/02/2023. Trong khi đó, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1.81% do giá gas tăng 14.56%, từ ngày 01/02/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 63,000 đồng/bình 12 kg. So với tháng 12/2022, CPI tháng 02 tăng 0,97% và so với cùng kỳ 2022 tăng 4,31%.

Tăng trưởng bán lẻ



CPI (YoY)



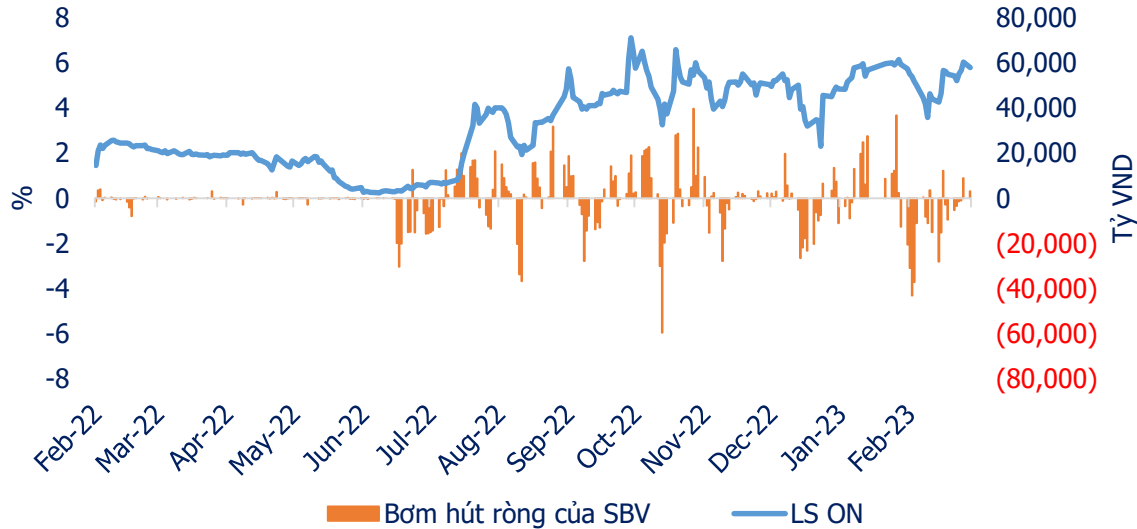
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



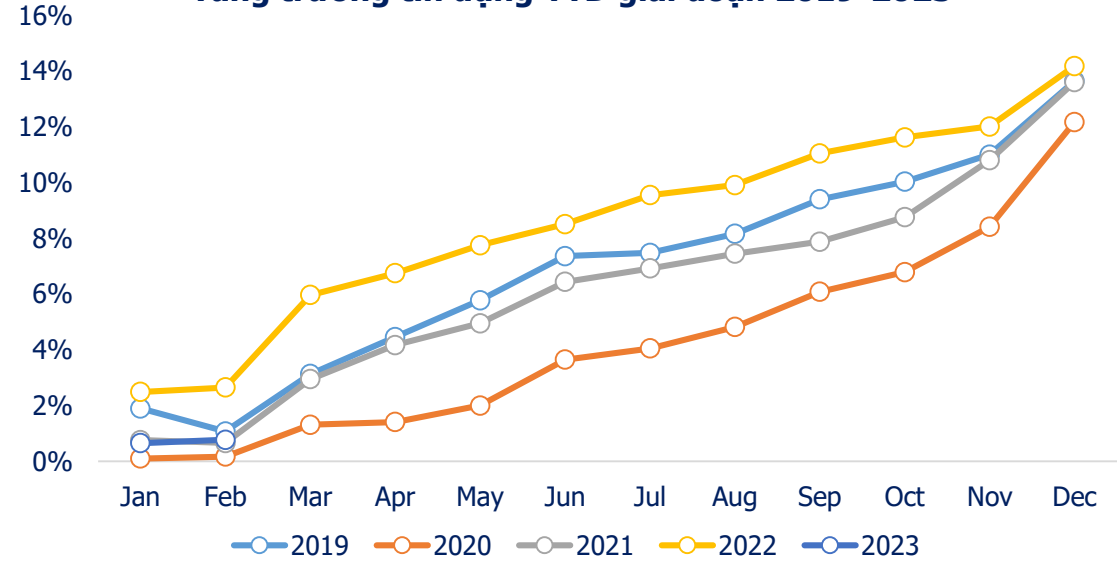
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Lãi suất liên ngân hàng ON và bơm hút ròng của SBV qua OMO



Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

Hai tháng đầu năm 2023, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 0,77% (91.000 tỷ đồng), thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ 2022 (+2,65%) và tương đương mức tăng thấp của năm 2021 khi nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.

Thanh khoản toàn hệ thống dư thừa do tín dụng tăng chậm khiến NHNN liên tiếp hút ròng qua kênh OMO, lãi suất duy trì ở mức 6%. Tại thời điểm cuối tháng 2, NHNN đang hút ròng 137.500 tỷ đồng, giữ lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm ở mức 5,2%, duy trì mức chênh lệch dương đối với lãi suất FED Fund Rate.

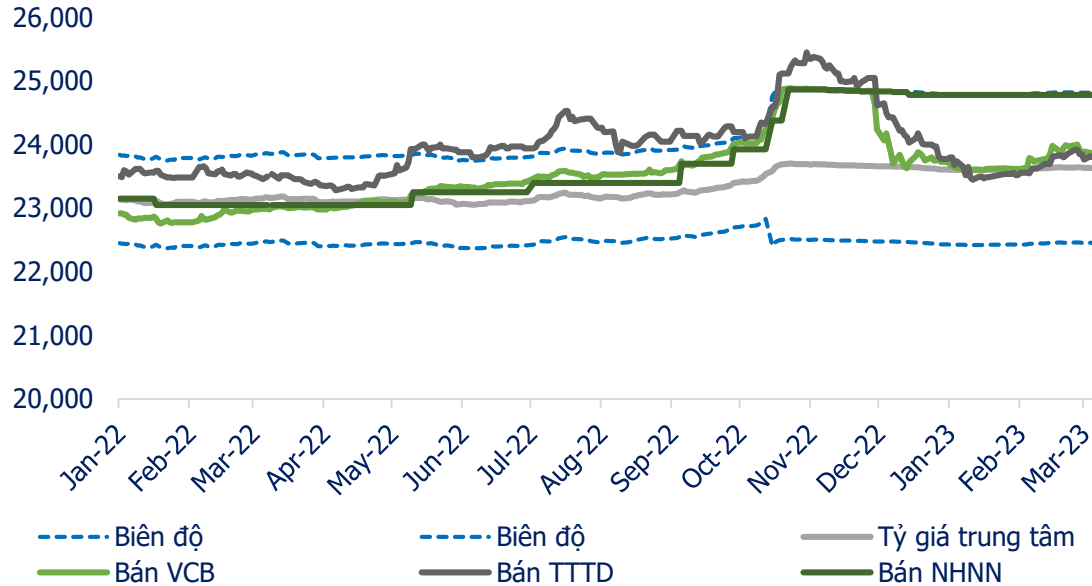
Lãi suất huy động toàn hệ thống có xu hướng giảm. Tại cuối tháng 2, lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng nhóm NHTMCP tư nhân đang áp dụng khoảng 8,3%, giảm 0,3% so với cuối tháng 1. Từ ngày 06/3/2023, các NHTM đã đồng thuận giảm từ 0,2% đến 0,5%/năm đối với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 - 12 tháng. Lãi suất đầu vào giảm sẽ giúp các NHTM có điều kiện giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế. Năm 2023, NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14% - 15%, tương đương 1,67 triệu tỷ đồng - 1,79 triệu tỷ đồng có thể được cung ứng ra nền kinh tế. Cuối tháng 2/2023, NHNN đã thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 đến từng ngân hàng, trung bình cấp chỉ tiêu tín dụng khoảng 9,5%.



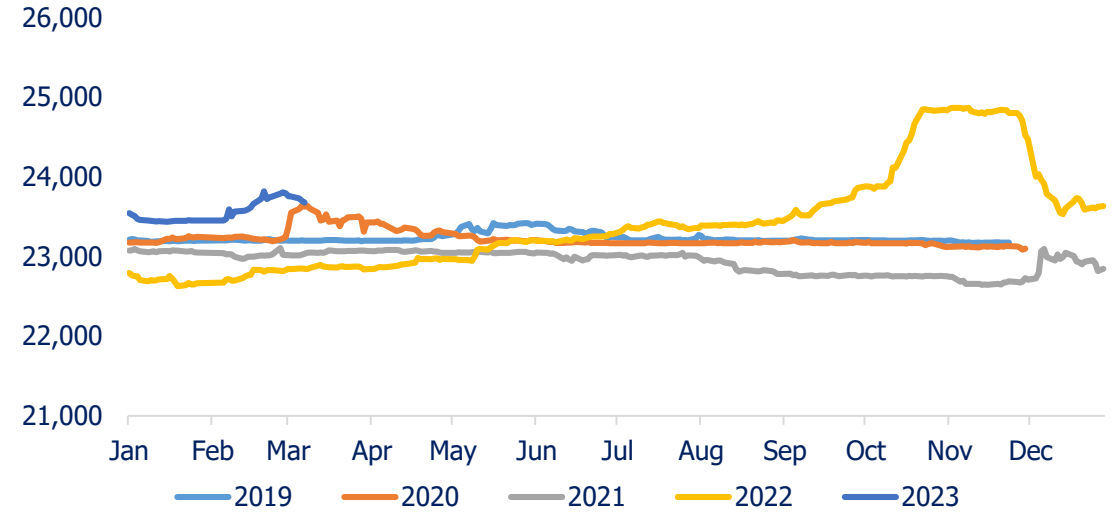
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Diễn biến tỷ giá USD/VND



Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

Áp lực tỷ giá đồng VND tăng trong tháng 2 khi đồng USD mạnh lên do số liệu về lạm phát tháng 01 của Mỹ tăng cao hơn dự báo. Thị trường đang kỳ vọng FED có thể sẽ thắt chặt CSTT mạnh tay hơn trong tháng 3, so với mức tăng nhẹ lãi suất 0,25% trong tháng 2. Đồng VND giảm giá 1,5% so với đồng USD trong tháng 2, sau diễn biến tăng giá nhẹ 0,8% trong tháng 1. Tính chung 2 tháng đầu năm, đồng VND đang giảm giá nhẹ 0,7%. Tỷ giá trên thị trường tự do khá tương đương với giá bán USD của Ngân hàng thương mại và cao hơn khoảng 1% so với tỷ giá trung tâm do NHNN công bố.

NHNN tiếp tục mua vào ngoại tệ trong tháng 2, giá trị ước tính đạt 0,65 tỷ USD, nâng tổng lượng mua vào 2 tháng đầu năm khoảng 3,4 tỷ USD nhằm tăng dự trữ ngoại hối.

Áp lực tỷ giá đôi với đồng VND được đánh giá ở mức trung bình thấp khi dự kiến dòng vốn FII vào Việt Nam tiếp tục xu hướng cải thiện. Trong 2 tháng đầu năm, khoản vốn nước ngoài vào Việt Nam qua góp vốn mua cổ phần là 800 triệu USD.



Biến cơ hội thành giá trị

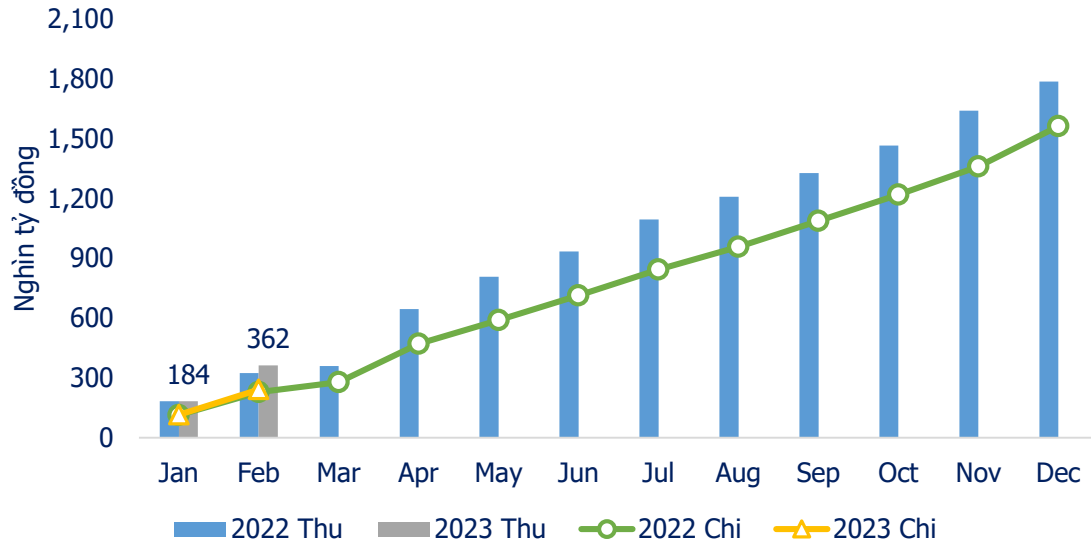
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Trong 2 tháng đầu năm 2023, thu NSNN đạt 362,3 nghìn tỷ đồng, bằng 22,4% dự toán năm, tăng 10,6% YoY, chi NSNN 242 nghìn tỷ đồng, bằng 11,7% dự toán năm, tăng 6% YoY.

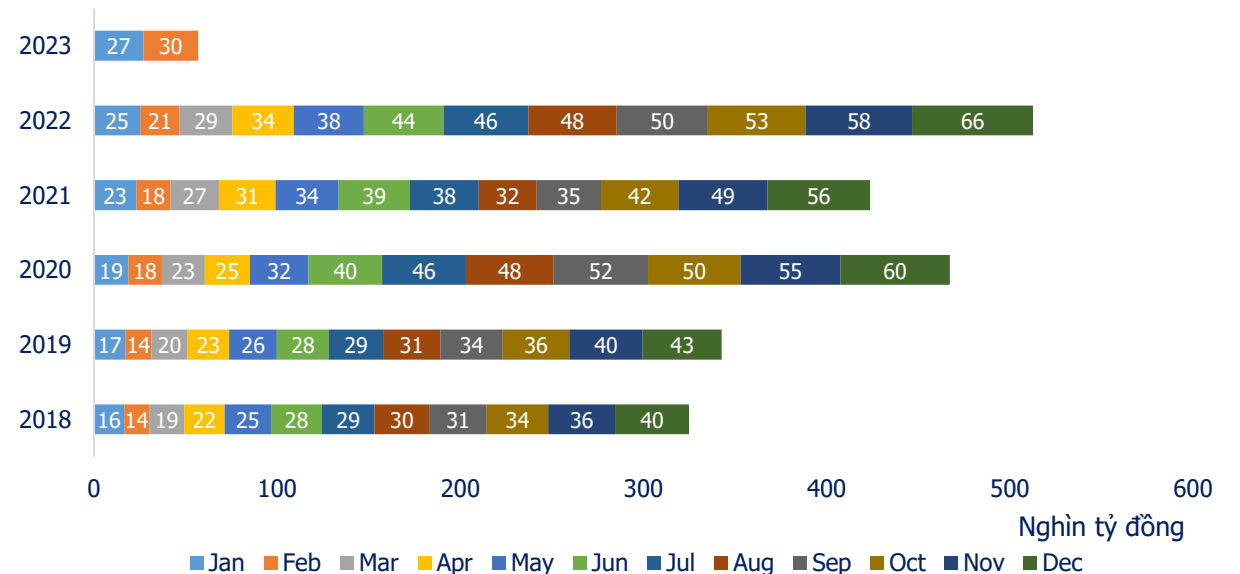
Kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2023 do Quốc hội giao là trên 764 nghìn tỷ đồng, đến ngày 31/1/2023, tổng số vốn đã phân bổ là 638.613,081 tỷ đồng, đạt 90,32% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao (707.044,198 tỷ đồng). Theo báo cáo từ Bộ Tài chính, ước tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong 2 tháng đầu năm đạt 6,55% (khoảng 49.247 tỷ đồng) kế hoạch vốn giao. Ngay từ đầu năm, 12 dự án thành phần đường cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2 với chiều dài 729km, vốn đầu tư gần 167 nghìn tỷ đồng đã được Chính phủ đồng loạt khởi công. Dự án sân bay Long Thành chủ đầu tư ACV mới đây đã xin điều chỉnh thời gian thực hiện gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà ga hành khách (35.000 tỷ đồng) thêm 6 tháng để tạo điều kiện cho các nhà thầu trong lần mở thầu thứ 2.

Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023

Số liệu YTD



Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng

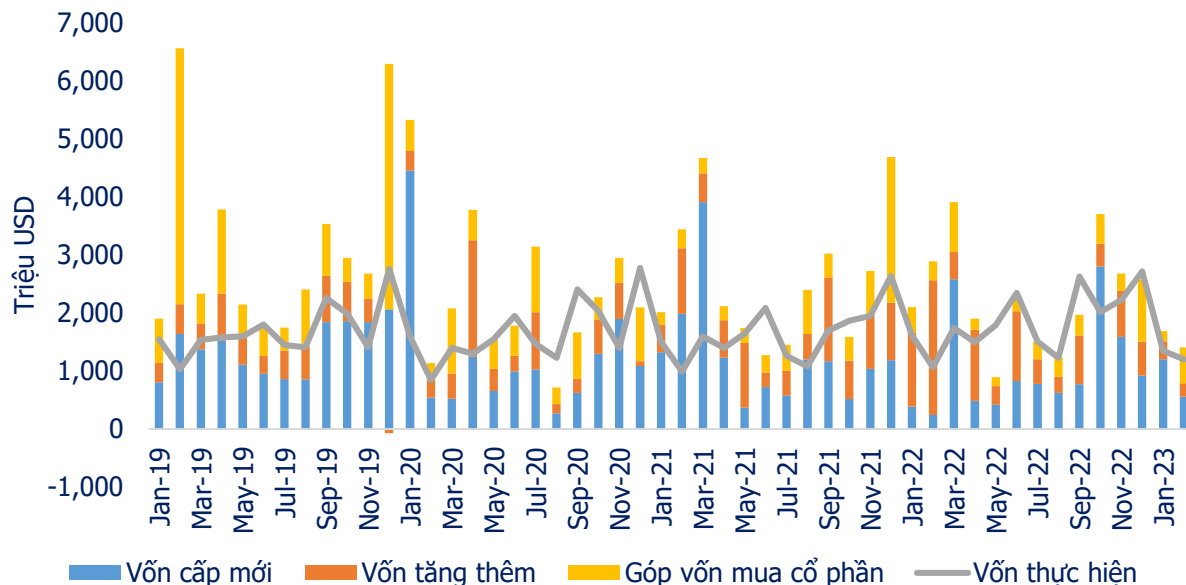
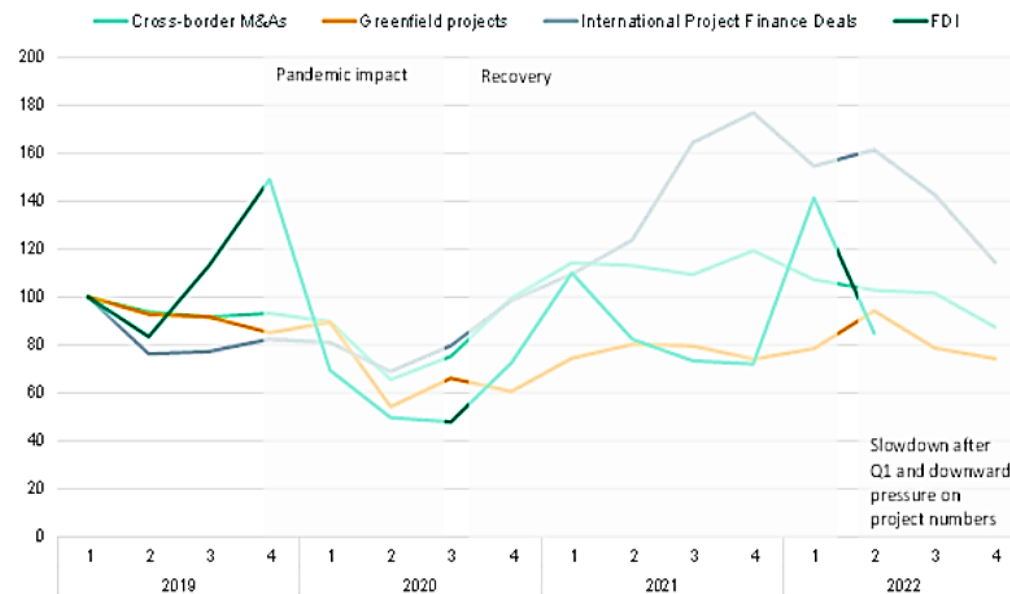


Figure 1. Investment trends, 2019 – 2022 (Indexed, 2019: Q1=100)



Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/02/2023 đạt 3,1 tỷ USD, giảm 38% YoY, trong đó vốn cấp mới đạt 1,76 tỷ USD, tăng 179%, vốn tăng thêm đạt 0,53 tỷ USD, giảm mạnh 85%, góp vốn mua cổ phần đạt 0,8 tỷ USD, tăng nhẹ 4% YoY. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2023 ước đạt 2,55 tỷ USD, giảm 4,9% YoY. Việc vốn cấp mới tăng trưởng khá mạnh so với cùng kỳ vẫn thể hiện đánh giá tích cực của Nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng kinh tế Việt Nam. Dự án tiêu biểu trong 2 tháng đầu năm là dự án Nhà máy công nghệ chính xác Fulian (Singapore), vốn đăng ký 621 triệu USD, với mục tiêu sản xuất linh kiện điện tử, máy vi tính.

Theo UNCTAD, những bất ổn trên phạm vi toàn cầu gồm cuộc chiến ở Ukraine, xu hướng tăng lãi suất ở hầu hết các Quốc gia để kiểm soát lạm phát đã làm dòng vốn FDI toàn cầu đảo chiều giảm mạnh từ Q1.2022. Dòng vốn đầu tư toàn cầu dự báo tiếp tục khó khăn trong nửa đầu năm 2023, trước khi phục hồi dần vào nửa cuối năm, khi các điều kiện kinh tế được cải thiện. Theo WB, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 dự báo đạt 1,7%, từ mức 3,4% của năm 2022, với tốc độ tăng trưởng chậm lại tại hầu hết những nền kinh tế phát triển, trong đó, kinh tế Mỹ có thể chỉ tăng trưởng 0,5%.



Biến cơ hội thành giá trị

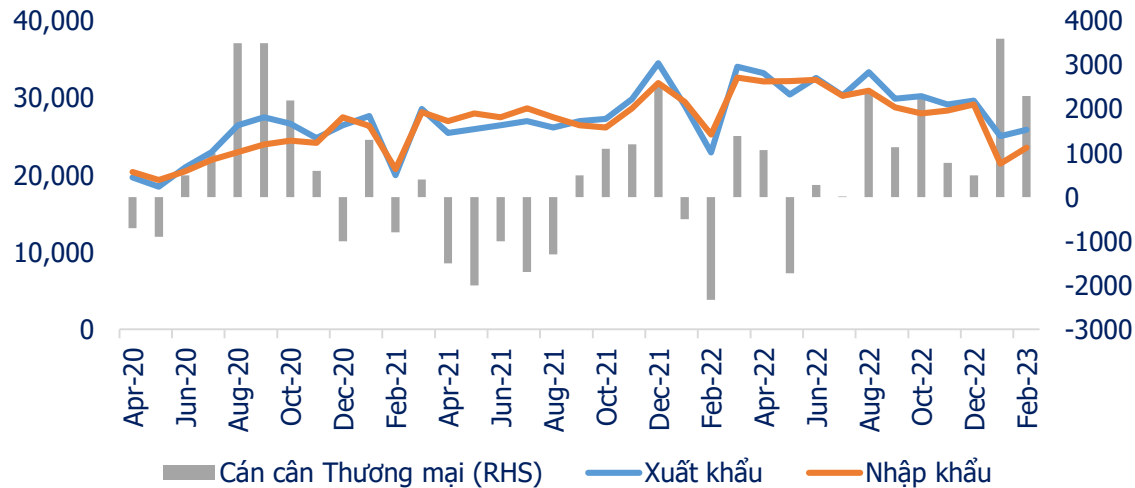
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2023 ước đạt 25,88 tỷ USD, tăng 9,8% MoM và tăng 11% YoY. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 49,44 tỷ USD, giảm 10,4% YoY. Các mặt hàng chủ lực của Việt Nam gồm dệt may giảm 20%, giày dép giảm 16%, thủy sản giảm mạnh 33%, gỗ giảm 35%, điện tử máy tính linh kiện giảm 14%, máy móc thiết bị giảm 2% YoY. Ở chiều ngược lại, mặt hàng điện thoại và linh kiện, phương tiện vận tải có kim ngạch tăng 7% YoY.

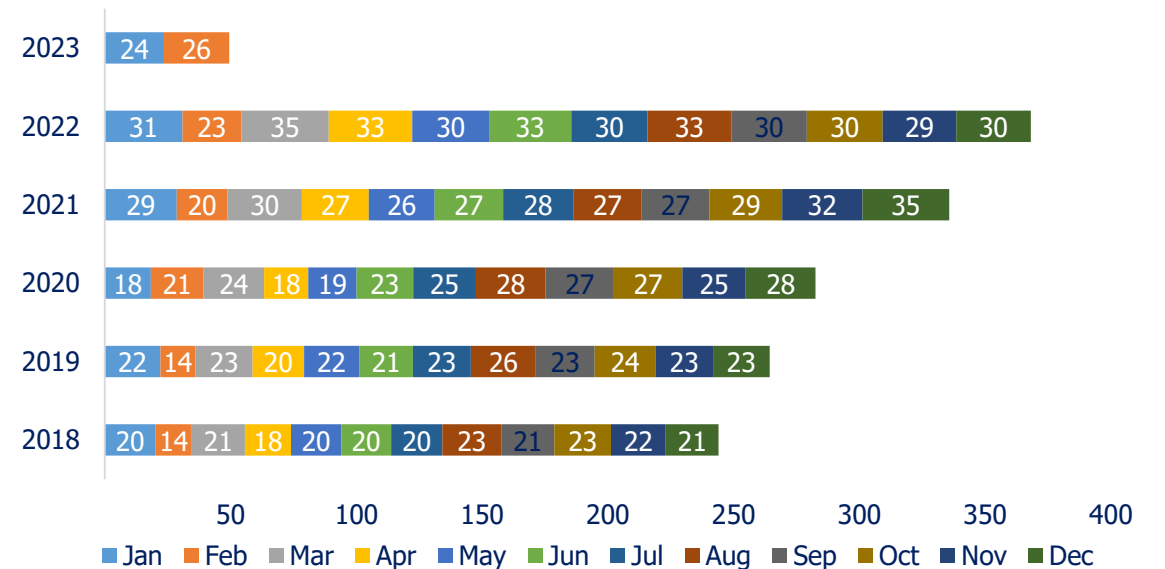
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2023 ước đạt 23,58 tỷ USD, tăng 2,3% MoM, giảm 6,7% YoY. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 46,62 tỷ USD, giảm 16% YoY. Trong đó kim ngạch nhập khẩu mặt hàng tư liệu sản xuất gồm điện tử, máy tính, linh kiện giảm 8,3%, máy móc thiết bị giảm 22%, sắt thép giảm 45%, vải giảm 30%, điện thoại và linh kiện giảm 62%, chất dẻo giảm 35%, hóa chất giảm 30%.

Kết quả này phản ánh sức tiêu thụ giảm sút tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam. Nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu khiến cán cân thương mại hàng hóa tháng Hai ước tính xuất siêu 2,3 tỷ USD. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,3 tỷ USD).

Cán cân Thương mại (Triệu USD)



Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)

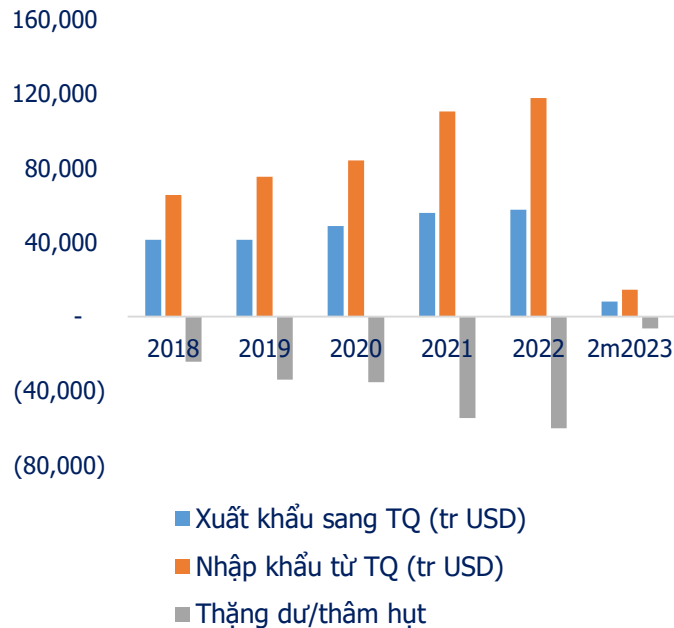


Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

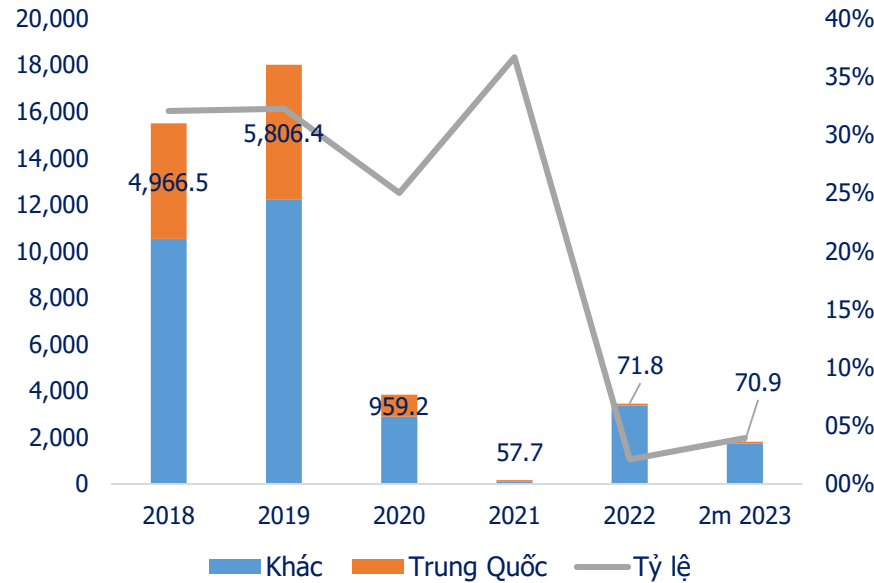
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc 2 tháng đầu năm 2023 ước đạt 22,8 tỷ USD, 19% YoY trong đó xuất khẩu tăng 11% còn nhập khẩu giảm 30%. Dù Trung Quốc chưa cấp phép cho khách du lịch theo đoàn tới Việt Nam nhưng lượng khách từ nước này đạt 70,9 nghìn lượt trong 2 tháng đầu năm 2023, gần tương đương với cả năm 2022 mở ra kỳ vọng đối với ngành du lịch, khách sạn của Việt Nam trong thời gian tới.

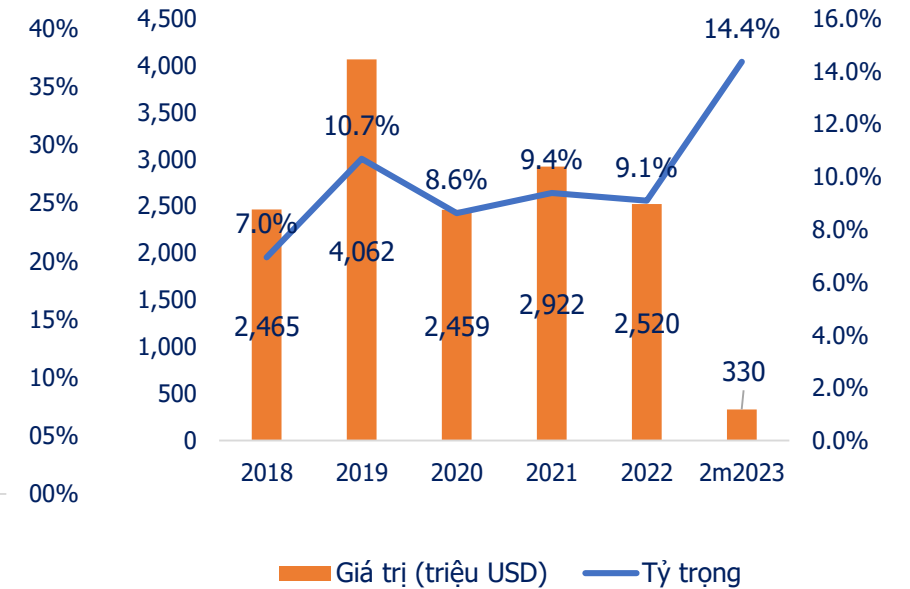
XNK Việt Nam - Trung Quốc



Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



FDI từ Trung Quốc



Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Chỉ tiêu	Feb-22	Mar-22	Apr-22	May-22	Jun-22	Jul-22	Aug-22	Sep-22	Oct-22	Nov-22	Dec-22	Jan-23	Feb-23
Chỉ số kinh tế													
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	9.0%	9.0%	9.0%	10.0%	11.50%	11.20%	15.60%	13%	6.30%	3.50%	0.20%	-8%	3.60%
PMI (điểm)	54.30	51.70	51.70	54.70	54.00	51.20	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	2%	4%	7%	10%	11.70%	16%	19.30%	21%	20.20%	20.50%	19.80%	20%	13%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	7%	8%	8%	8%	8.90%	10.2%	10.50%	16.30%	15.20%	15.09%	13.50%	-16.30%	-4.90%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-9%	-12%	-12%	-16%	-8.10%	-7.10%	-12.30%	-15.30%	-5.40%	-5.00%	-11%	-19.80%	-38%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	12%	14%	17%	17%	17.30%	16.10%	17.30%	17.30%	15.90%	13.40%	10.60%	-21.30%	-10.40%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	17%	16%	16%	16%	15.50%	13.60%	13.60%	13%	12.20%	10.10%	8.40%	-28.90%	-16%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	-0.58	1.46	2.53	0.52	0.28	0.02	2.42	1.14	2.27	0.78	0.5	0.52	2.30
Ổn định vĩ mô													
Lạm phát (% YoY)	1%	2%	3%	3%	3.37%	3.14%	2.89%	3.94%	4.30%	4.37%	4.55%	4.89%	4.31%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	1%	1%	1%	1.61%	1.98%	1.44%	1.64%	1.88%	2.14%	2.38%	2.59%	5.21%	5.08%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	2.7%	6.0%	6.8%	7.8%	8.5%	9.42%	9.91%	10.54%	11.38%	11.50%	14.50%	0.65%	0.77%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	1.8%	3.5%	3.5%	3.3%	3.78%	3.18%	2.68%	2.49%	3.09%		3.85%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4%	4%	4%	4%	4%	4%	4%	5%	6%	6%	6%	6%	6%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	3.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	2.36%	1.90%	1.43%	0.43%	0.74%	3.32%	4.75%	4.73%	5.05%	4.57%	4.55%	5.90%	5.20%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.14%	2.31%	2.44%	3.08%	3.41%	3.90%	3.62%	4.97%	5.10%	5.15%	4.95%	4.40%	4.40%
CDS 5 năm	133.12	112.43	138.34	122.98	164.52	143.93	147.78	186.35	162.8	148.55	140.12	125.62	118.37
VND/USD (% MoM)	0.1%	-0.2%	0.1%	0.5%	0.4%	0.3%	0.46%	1.73%	4.09%	-0.60%	-4.30%	-0.80%	1.50%



TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 02



TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 2

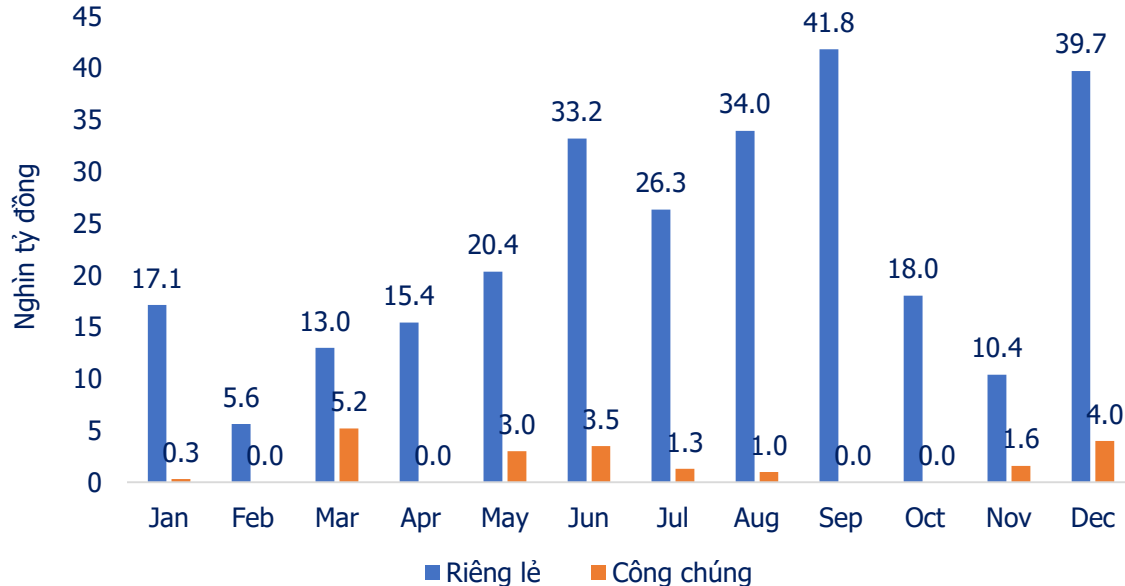
Biến cơ hội thành giá trị

Sau diễn biến trầm lắng không có đợt phát hành mới trong tháng đầu năm, đã có **3 đợt phát hành TPDN trị giá 2.000 tỷ đồng trong tháng 2.2023**. Chi tiết gồm 1 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 500 tỷ đồng của CTCP Đầu tư Bất động sản Sơn Kim và 2 đợt phát hành ra công chúng trị giá 1.500 tỷ đồng của CTCP Tập đoàn Masan. Các đợt phát hành này đều có lãi suất thả nổi, với kỳ hạn phát hành từ 2,5 năm đến 5 năm.

Tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn trong tháng 2/2023 là 5,94 nghìn tỷ đồng (tăng 34% YoY). Tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại đạt hơn 15,3 nghìn tỷ đồng (tăng 43% YoY).

Tổng giá trị trái phiếu đến hạn trong tháng 03/2023 là 17,7 nghìn tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với giá trị đến hạn trong tháng 2/2023. Một số nhóm ngành có giá trị đến hạn lớn như bất động sản (7,69 nghìn tỷ, chiếm 43% giá trị đến hạn); hàng tiêu dùng (5,1 nghìn tỷ, chiếm 29% giá trị đến hạn) và xây dựng (2,27 nghìn tỷ, chiếm 12,8% giá trị đến hạn).


TPDN đáo hạn hàng tháng năm 2023



TPDN được mua lại trước hạn năm 2022-2023



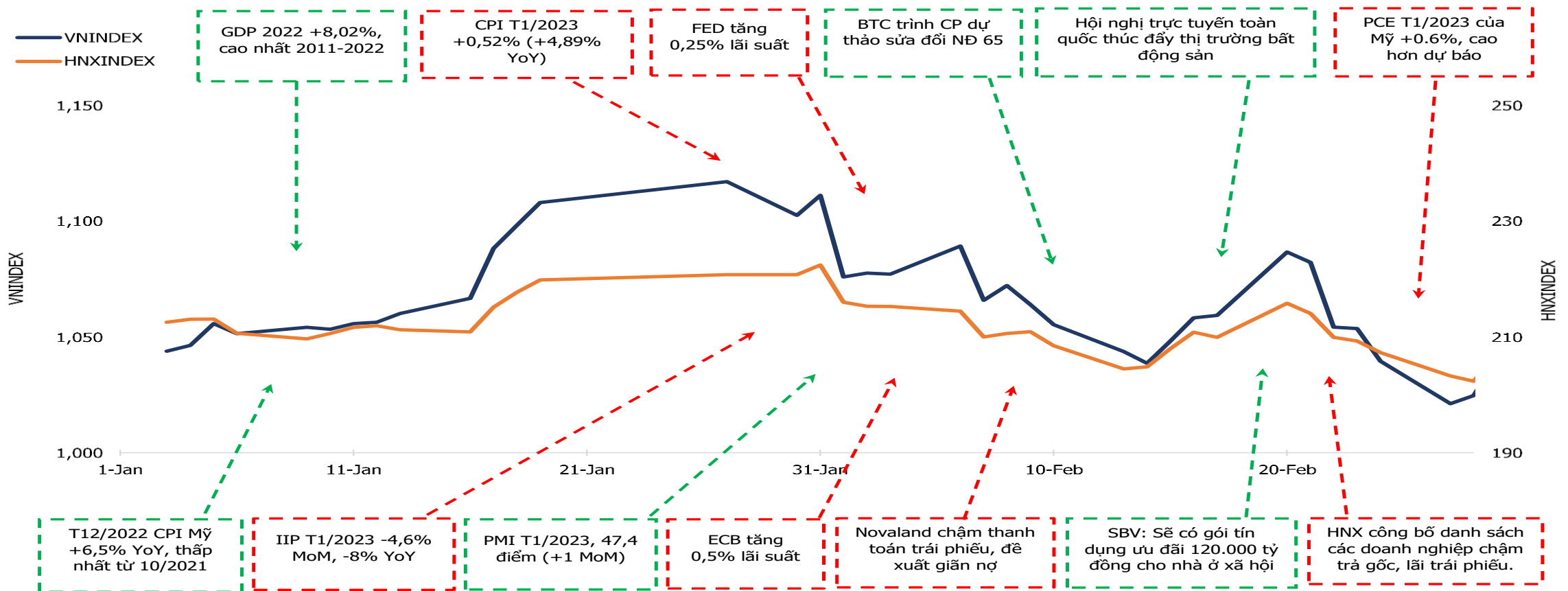
Nguồn: VBMA

The background is a blue-toned collage of financial and business-related imagery. It includes several upward-pointing arrows of varying sizes and colors (white and blue), a line graph with data points, a bar chart, and a fountain pen resting on a document. The overall aesthetic is professional and data-oriented.

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

VN-INDEX quay trở lại vùng giá cuối năm 2022: Sau tháng 01/2023 tăng điểm, VN-INDEX đã giảm trở lại vùng giá đầu năm 2023 khi kết thúc tháng 02/2023 ở mức 1.024,68 điểm giảm 7,78% so với tháng 01 và tăng 1,74% so với cuối năm 2022. Áp lực giảm điểm vẫn đến từ: 1/Lo ngại về áp lực thanh toán nợ trái phiếu đến hạn, đặc biệt với nhóm doanh nghiệp bất động sản; 2/Kết quả kinh doanh quý 4 và năm 2022 của các DNNY kém khả quan, lãi sau thuế toàn thị trường tăng 6,3% năm 2022 so với 42,1% năm 2021; 3/Lạm phát duy trì ở mức cao, FED và ECB tiếp tục nâng lãi suất; 3/Chiến tranh Nga – Ukraine kéo dài, leo thang xung đột.

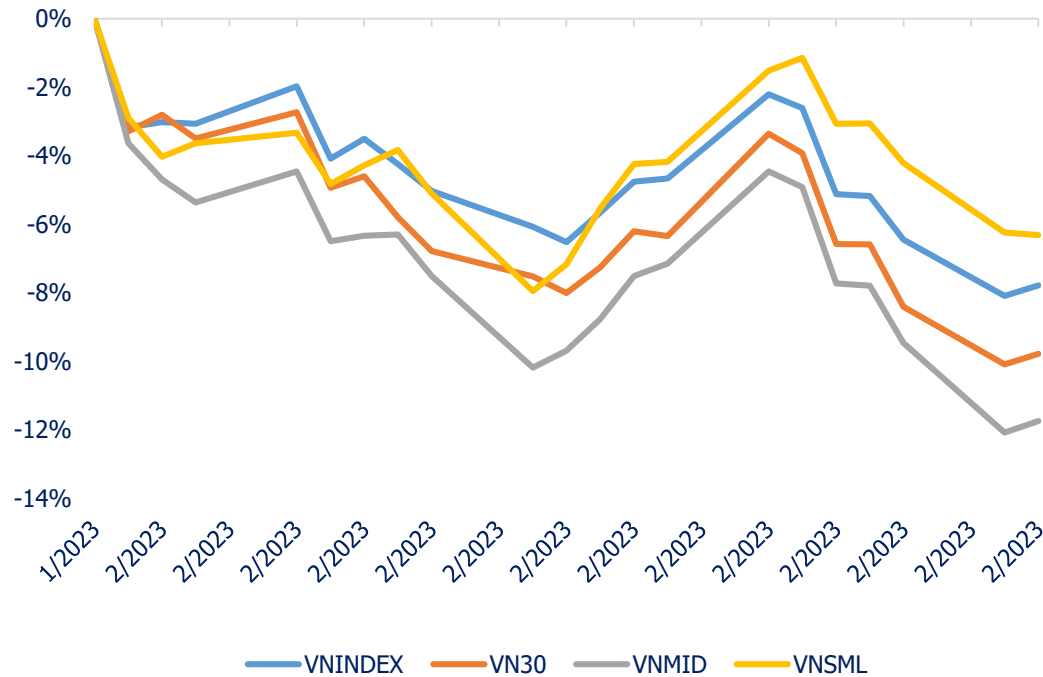




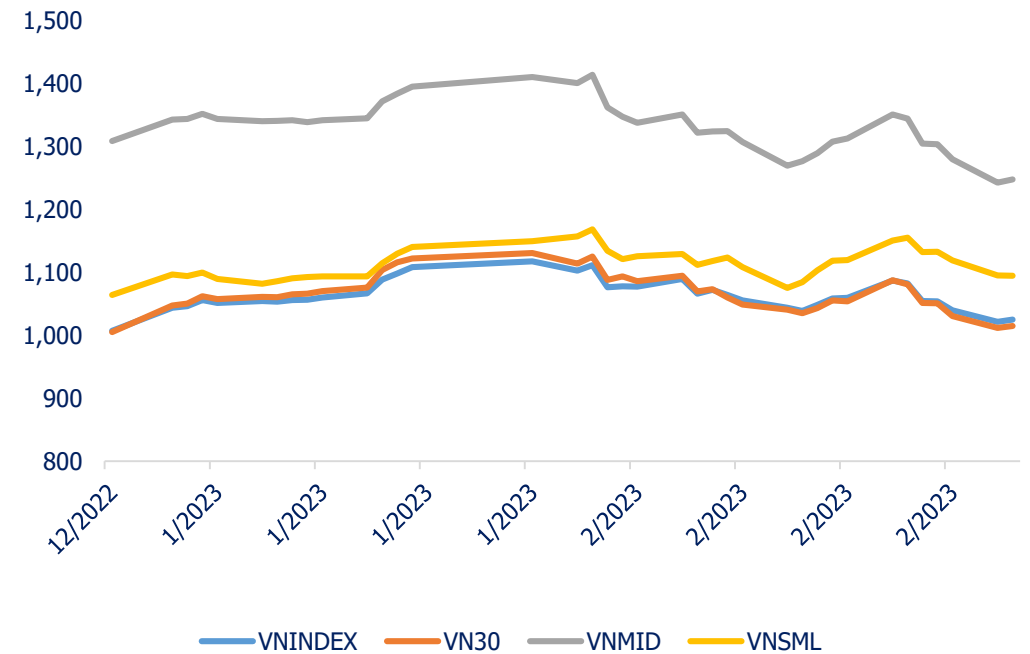
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Trong tháng 02/2023 nhóm VN30 và Midcap diễn biến tiêu cực hơn chỉ số chung với mức giảm lần lượt 9,79% và 11,7% so với tháng 01, VN30 kết thúc tháng 02/2023 thấp hơn VNINDEX ở mức 1.014,96 điểm. Nhóm Small Cap nhờ có sự dịch chuyển dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân nên mức giảm thấp hơn. Kết thúc 02 tháng đầu năm 2023, các chỉ số hầu như không biến động nhiều, vẫn duy trì lạc quan khi VN-INDEX và VN30 vẫn cao hơn mức giá mở đầu năm 2023 tương ứng với VN-INDEX 1.011,39 điểm, VN30 1.010,52 điểm.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong năm 2022



Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2022



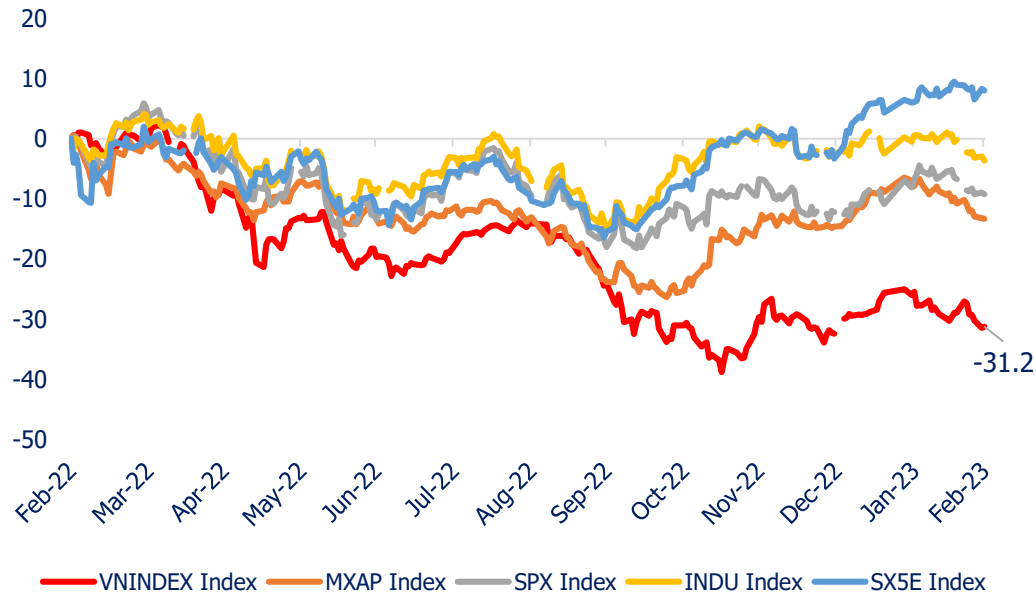
Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

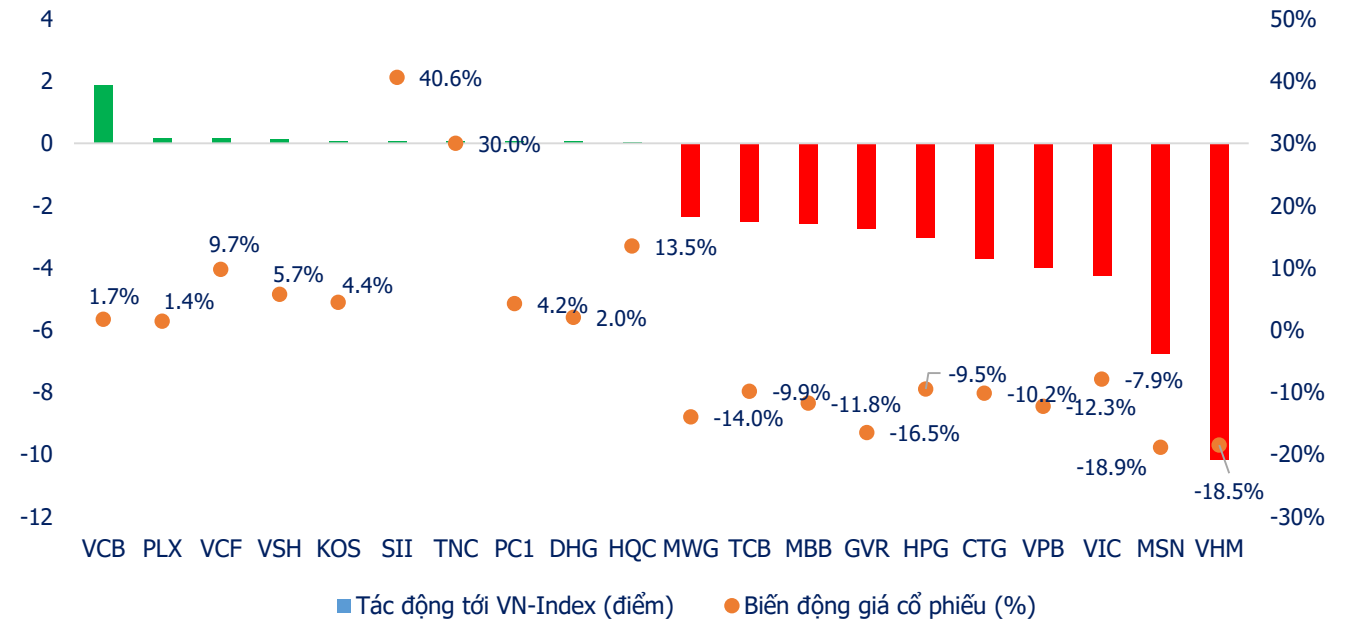
Nhóm cổ phiếu VN30 ảnh hưởng tiêu cực nhất tới VN-Index trong tháng 02. Ngoại trừ VCB (+1,7%) và PLX (+1,36%), các mã khác đều giảm trong đó tác động mạnh nhất là VHM (-18,5%) khi giá quay trở lại thời điểm đại dịch tháng 03/2020, tiếp theo là MSN (-18,9%), VIC (-7,9%). Nhóm cổ phiếu ngân hàng VPB (-12,3%), CTG (-10,2%), MBB (-11,8%), TCB (-9,9%) và HPG (-9,5%), GVR (-16,5%), MWG (-14,0%) tiếp tục suy yếu trước những ảnh hưởng của thị trường bất động sản, trái phiếu và áp lực bán ròng của nhà đầu tư tổ chức.

Những yếu tố nội tại trên dẫn đến VN-INDEX vẫn là chỉ số thị trường có diễn biến kém tích cực nhất so với các thị trường trong khu vực. Mức độ suy giảm vẫn lớn nhất và phục hồi kém nhất tính từ năm 2022 đến nay.

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 2/2023



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

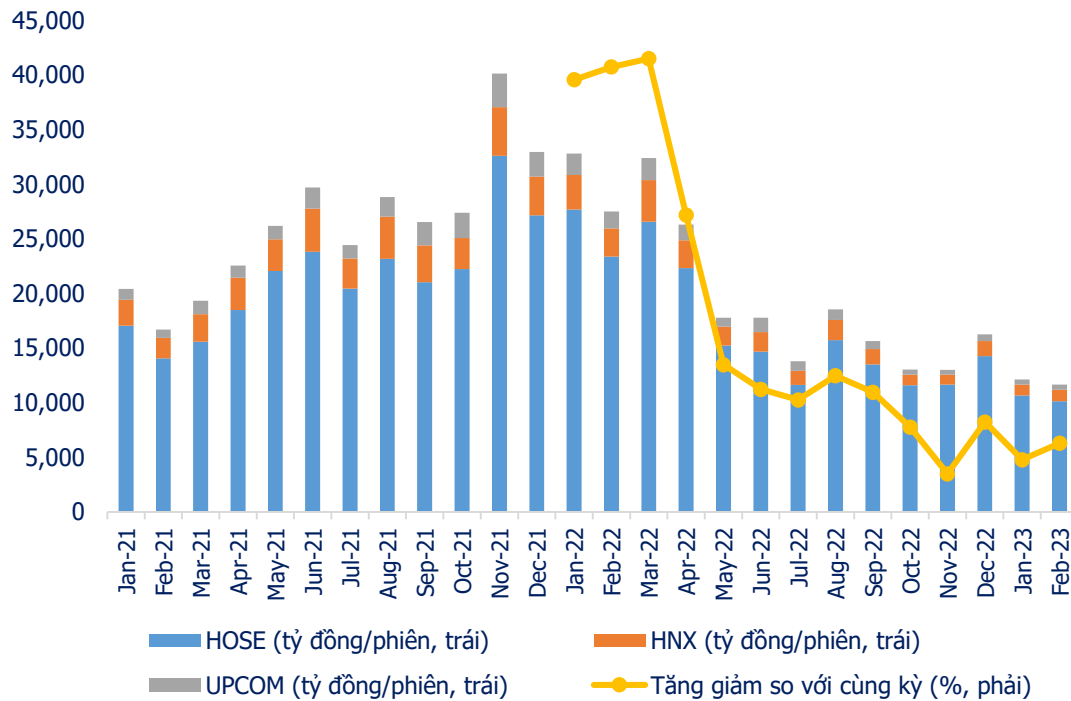


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

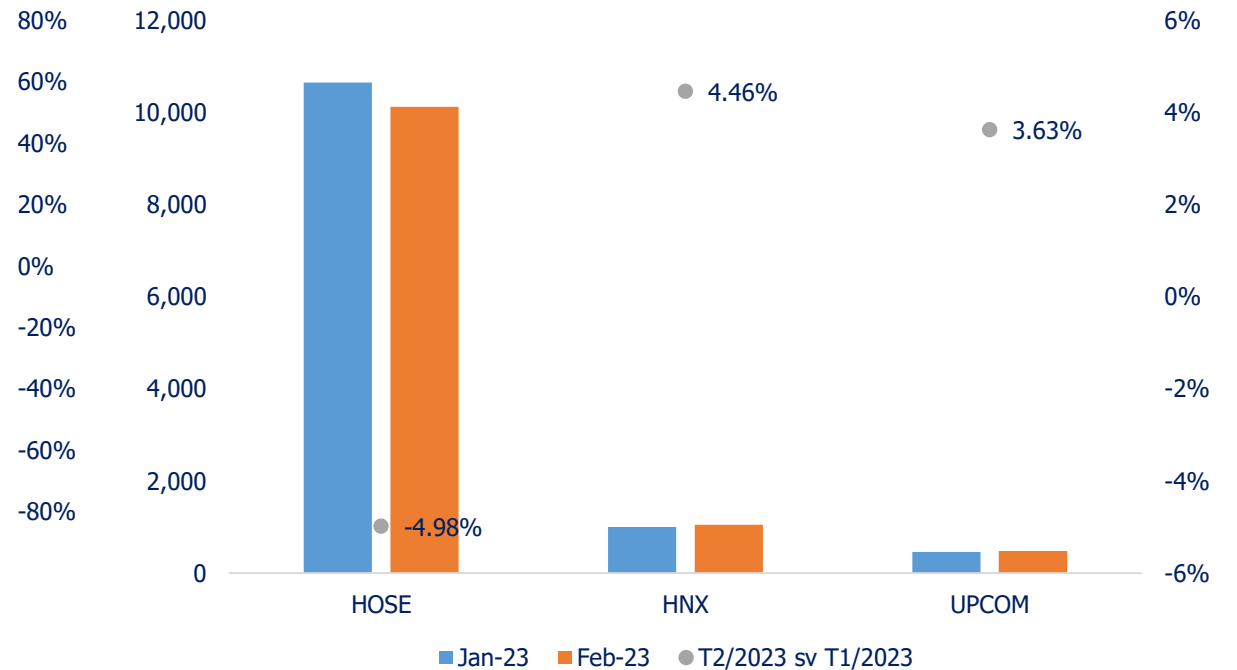
Thanh khoản thị trường giảm nhẹ trong tháng 02/2023. Giá trị giao dịch trung bình cả 3 sàn tháng 02 đạt 11.684 tỷ đồng/phiên, giảm nhẹ so với mức 12.117 tỷ đồng trong tháng 01/2023. Trong đó giao dịch tại sàn HOSE đạt trung bình 10.121,73 tỷ đồng (-4,98% MoM), tại sàn HNX và Upcom lần lượt tăng 4,46% và 3,63% so với tháng 1.

Tính chung 2 tháng đầu năm, giá trị giao dịch trung bình toàn thị trường chỉ đạt 11.900 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh tới 60,5% so với bình quân 2 tháng đầu năm 2022.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



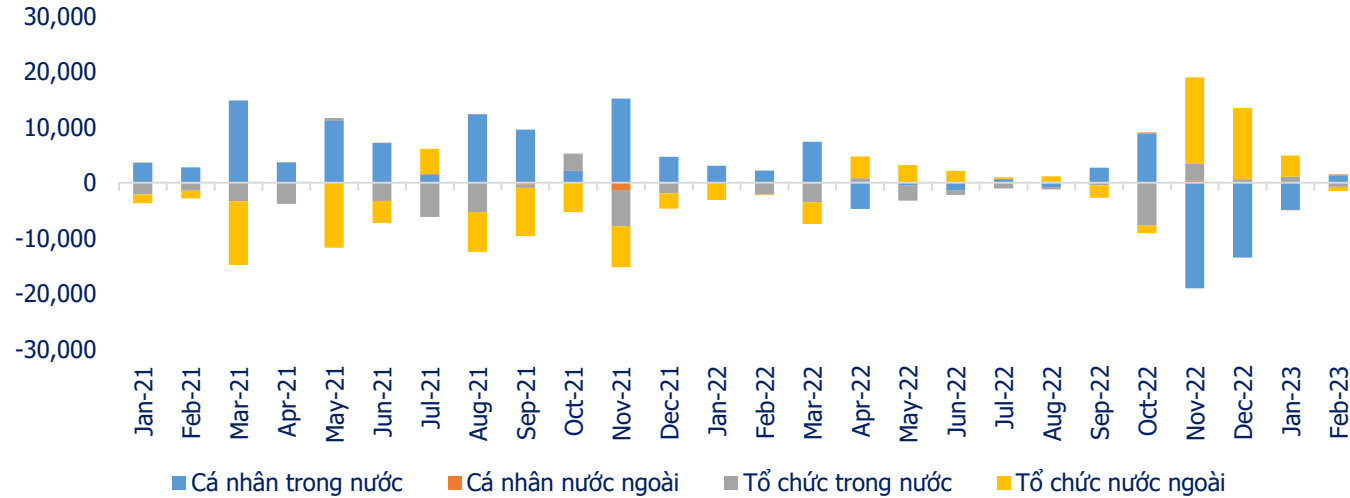
GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



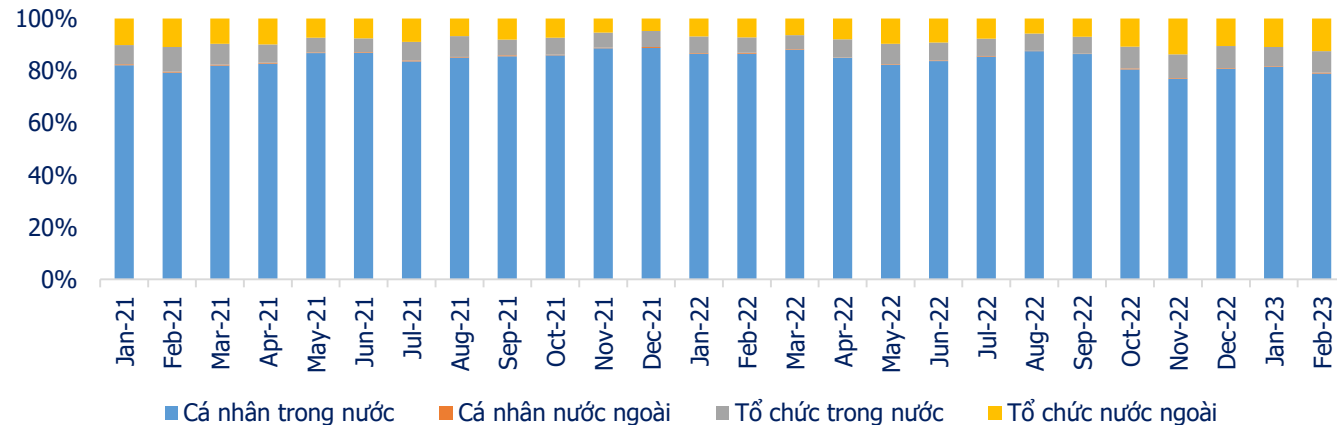
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Nhà đầu tư tổ chức bán ròng sau 03 tháng mua ròng đột biến. Trong tháng 2, khối nhà đầu tư tổ chức bán ròng tổng cộng 1.493 tỷ đồng trong đó tổ chức nước ngoài bán ròng 778,14 tỷ đồng, tổ chức trong nước bán ròng 715,53 tỷ đồng, diễn biến trái ngược với lượng mua ròng 37.000 tỷ đồng trong 03 tháng trước đó. Tỷ trọng của khối tổ chức tăng lên 20,7% so với mức 18,2% của tháng 1/2023. Trong khi đó, nhà đầu tư cá nhân đặc biệt là cá nhân trong nước quay trở lại mua ròng nhưng tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân nội giảm từ 81,5% trong tháng 1/2023 xuống 78,98% trong tháng 02/2023, thấp hơn mức trung bình 84% trong 02 năm trở lại đây.

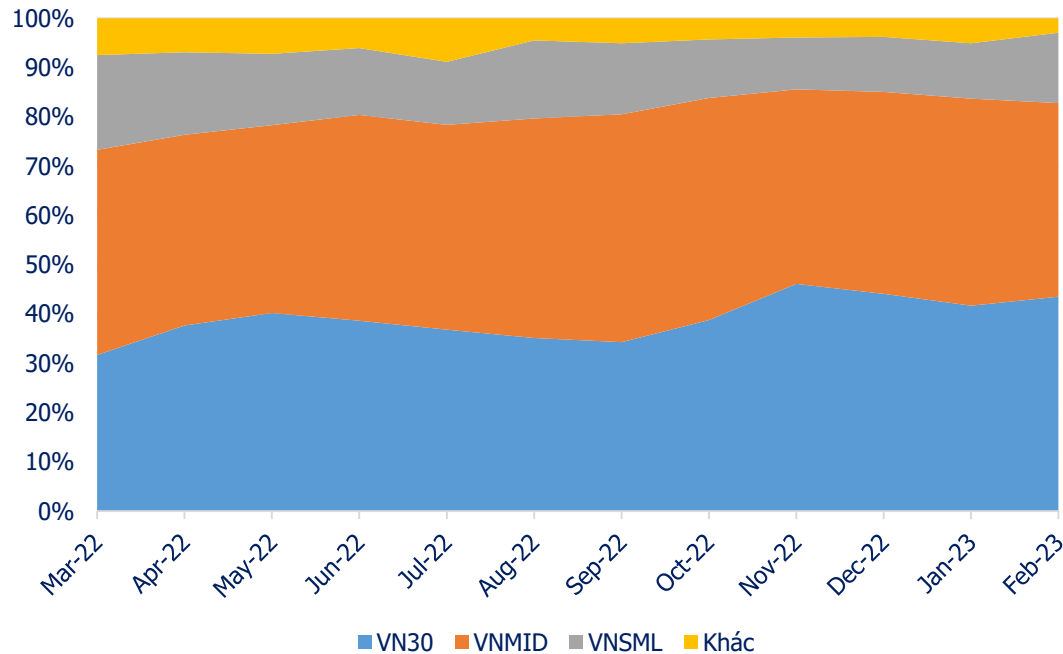
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



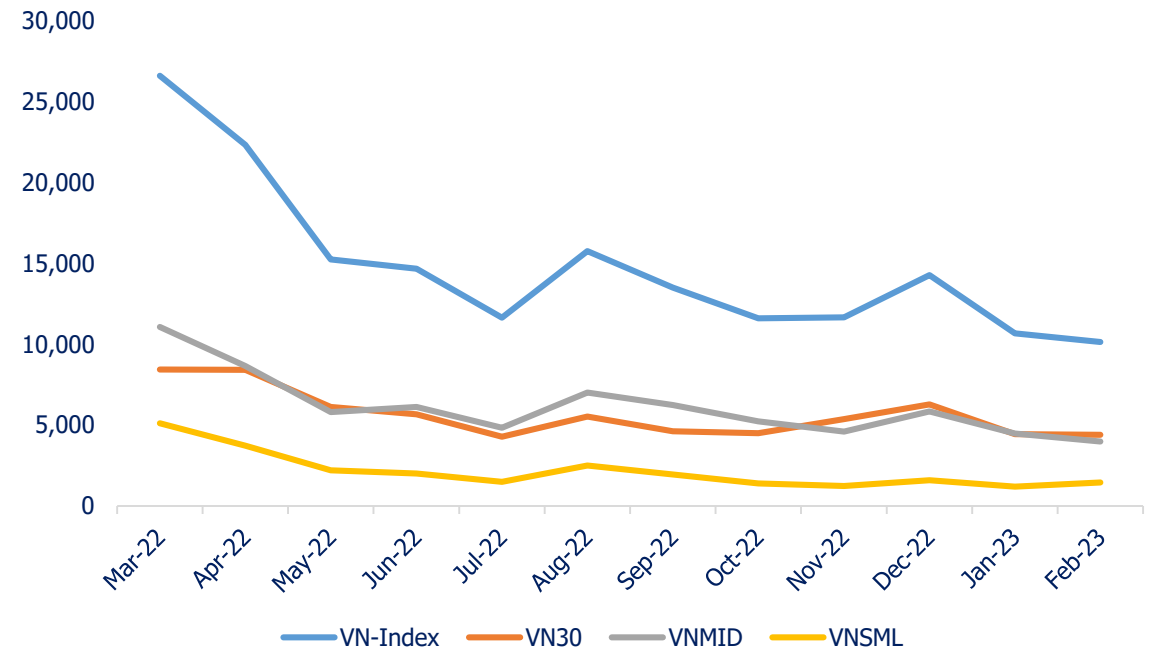
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Tỉ trọng giao dịch của nhóm cổ phiếu VMSML tăng mạnh lên chiếm 14,32% trong thị trường so với mức 11,24% của tháng 01/2023 thể hiện hoạt động giải ngân, đẩy mạnh giao dịch trở lại của nhà đầu tư cá nhân. GTGD bình quân của toàn thị trường cũng vẫn đang trong xu hướng giảm từ tháng 03/2022 đến nay, trong đó tỉ lệ của VN30 chiếm 43,51% cao hơn mức trung bình 39%, VNMID chiếm 39,26% dưới mức trung bình 41-42%.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



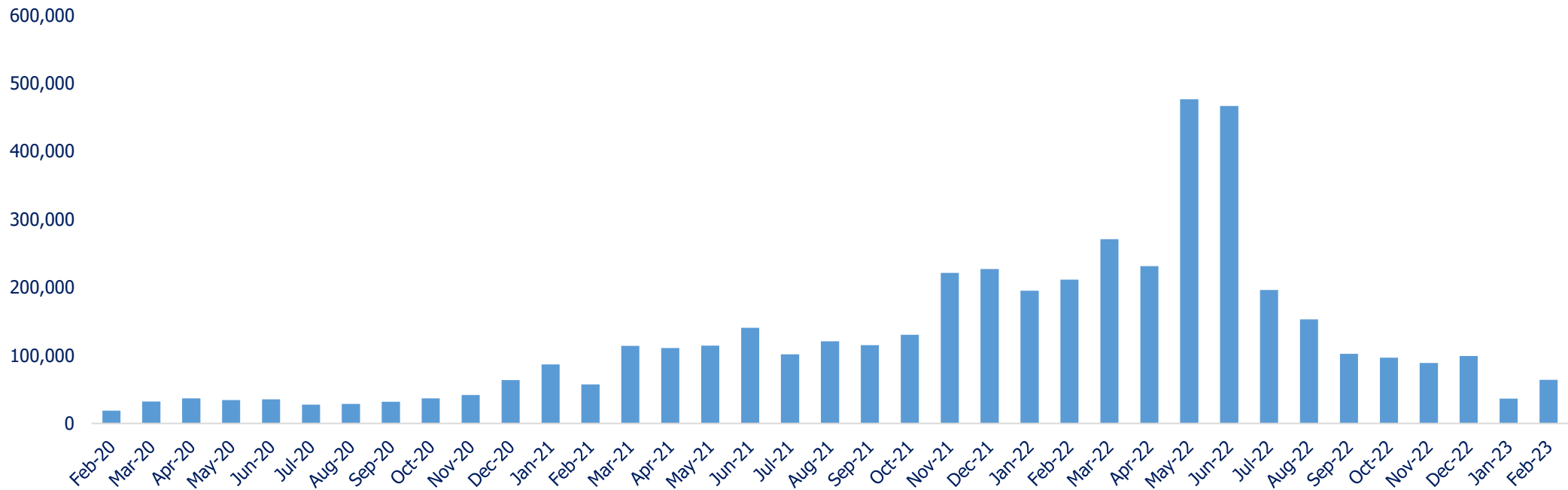
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới trong tháng 2 tăng 77% (64.040 tài khoản) so với tháng 1, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức thấp kể từ đầu năm 2021, trong đó chủ yếu vẫn là tài khoản cá nhân trong nước (99,5%). Tính chung 2 tháng đầu năm 2023 có 100.222 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 79% so với cùng kỳ 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 2/2023 đạt trên 6,93 triệu tài khoản, trong đó trên 6,95 triệu tài khoản là của nhà đầu tư nội (99,4%), số tài khoản của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài là 4.362 tài khoản, chỉ tăng thêm 17,7% so với cuối năm 2019, trước khi dịch Covid diễn ra.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng



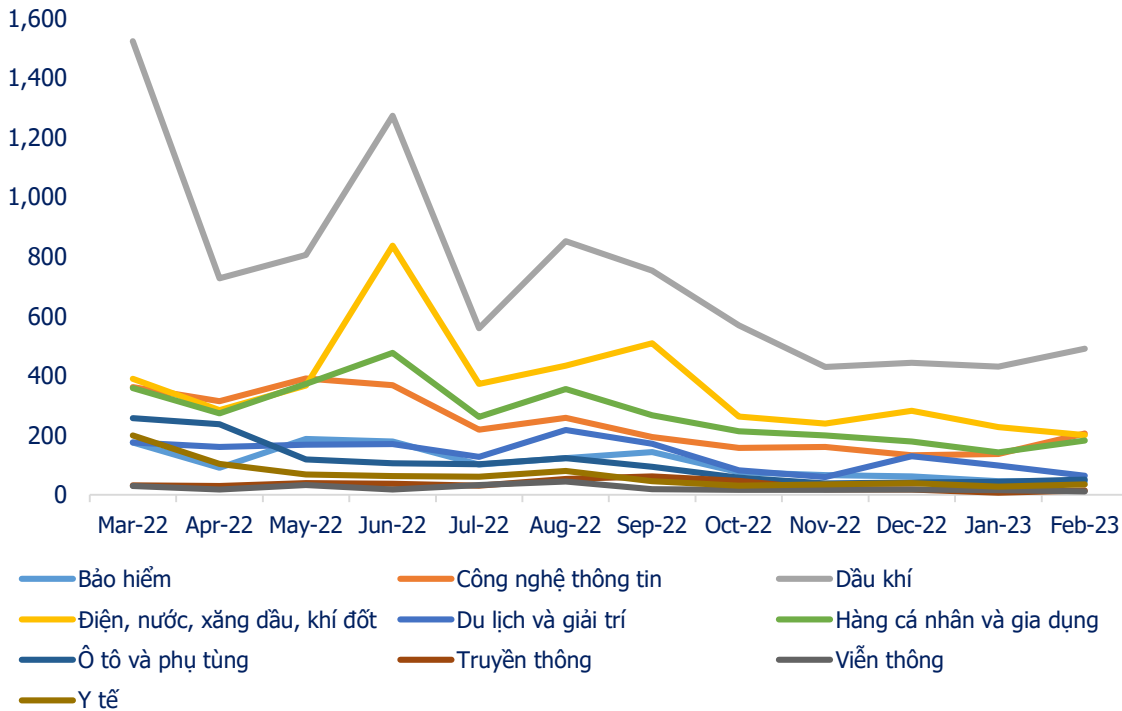
Nguồn: Bloomberg, SHS Research



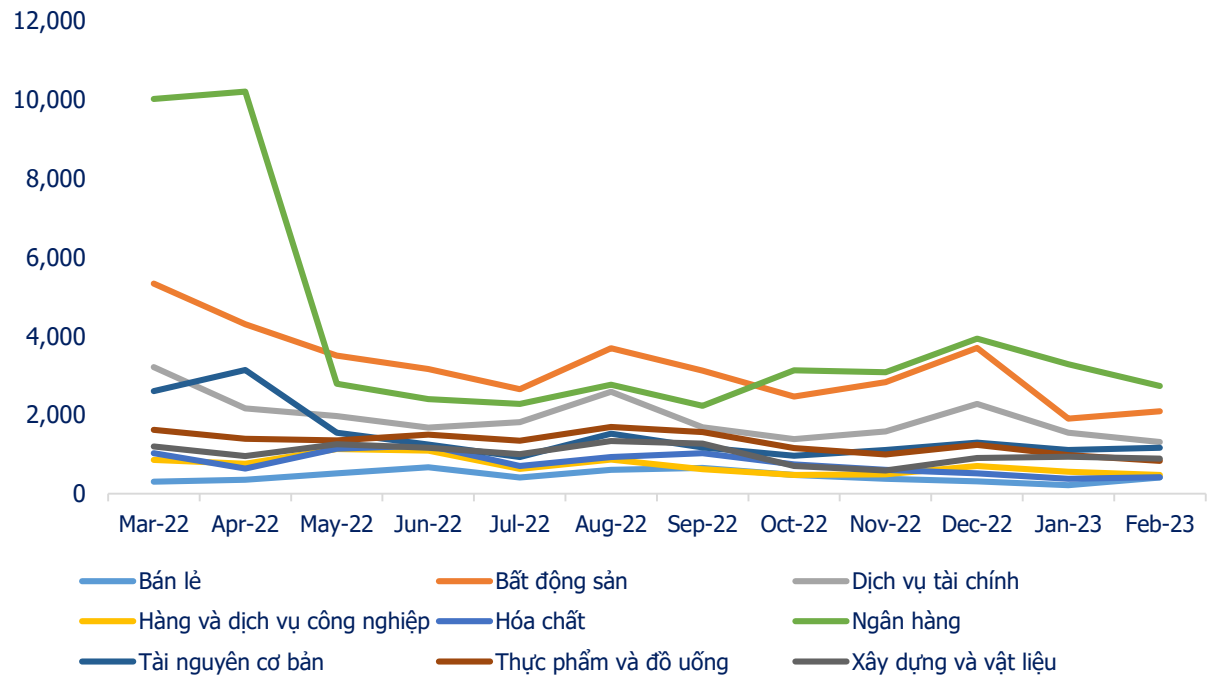
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục có giá trị giao dịch bình quân gia tăng tốt trong tháng 02/2023, duy trì đà tăng từ tháng 11/2022 nhờ đa phần các yếu tố cơ bản, cấu trúc tài chính tốt và kết quả kinh doanh tăng trưởng trên nền giá dầu cao, qua đó thu hút dòng tiền gia tăng. Các ngành có mức độ gia tăng tiếp theo là Công nghệ thông tin, bất động sản, bán lẻ trong đó nhóm bất động sản thể hiện mức độ phục hồi sau quá trình giảm điểm mạnh, cũng như các hoạt động giao dịch mua ròng trở lại của nhà đầu tư cá nhân. Với nhóm bán lẻ giá trị giao dịch tăng mạnh 189% so với tháng 01 lại thể hiện áp lực bán mạnh đột biến với nhóm ngành này. Nhóm ngân hàng có giá trị giao dịch bình quân giảm 02 tháng liên tiếp khi mức độ mua ròng của nhà đầu tư tổ chức giảm trong tháng 01 và chuyển sang bán ròng trong tháng 02/2023.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



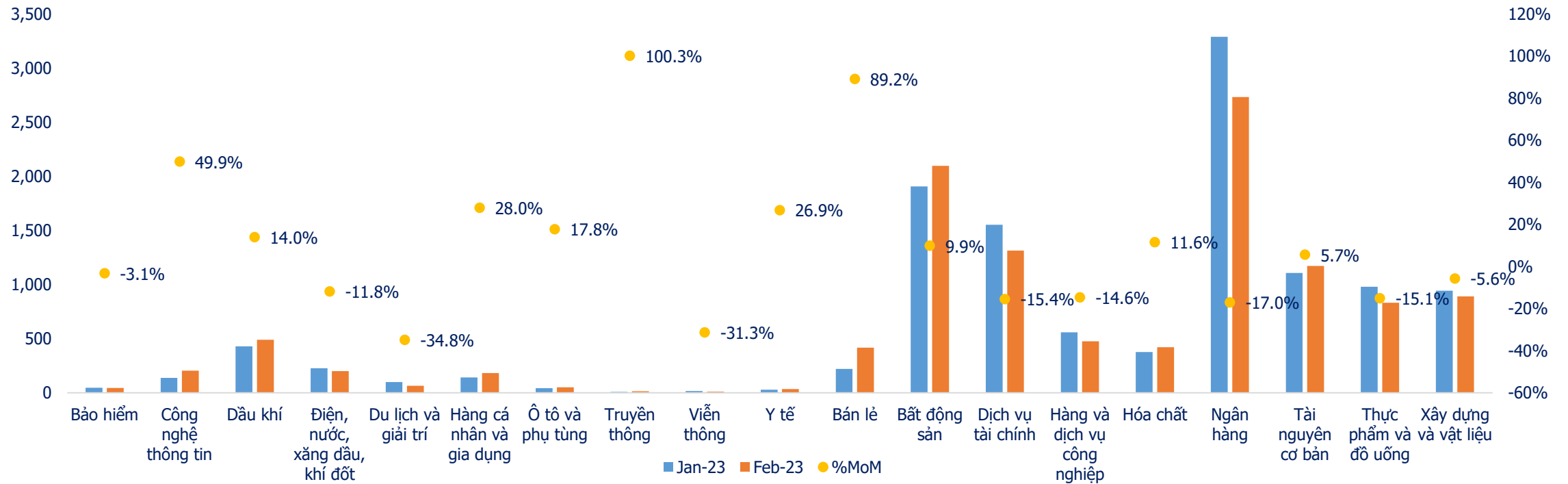
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Nhóm ngành ngân hàng, bất động sản, tài chính vẫn chiếm tỉ trọng giá trị giao dịch lớn trên thị trường, và cũng là nguyên nhân chính khiến chỉ số VNINDEX có những diễn biến kém tích cực trong thời gian qua với những ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản, trái phiếu...

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành

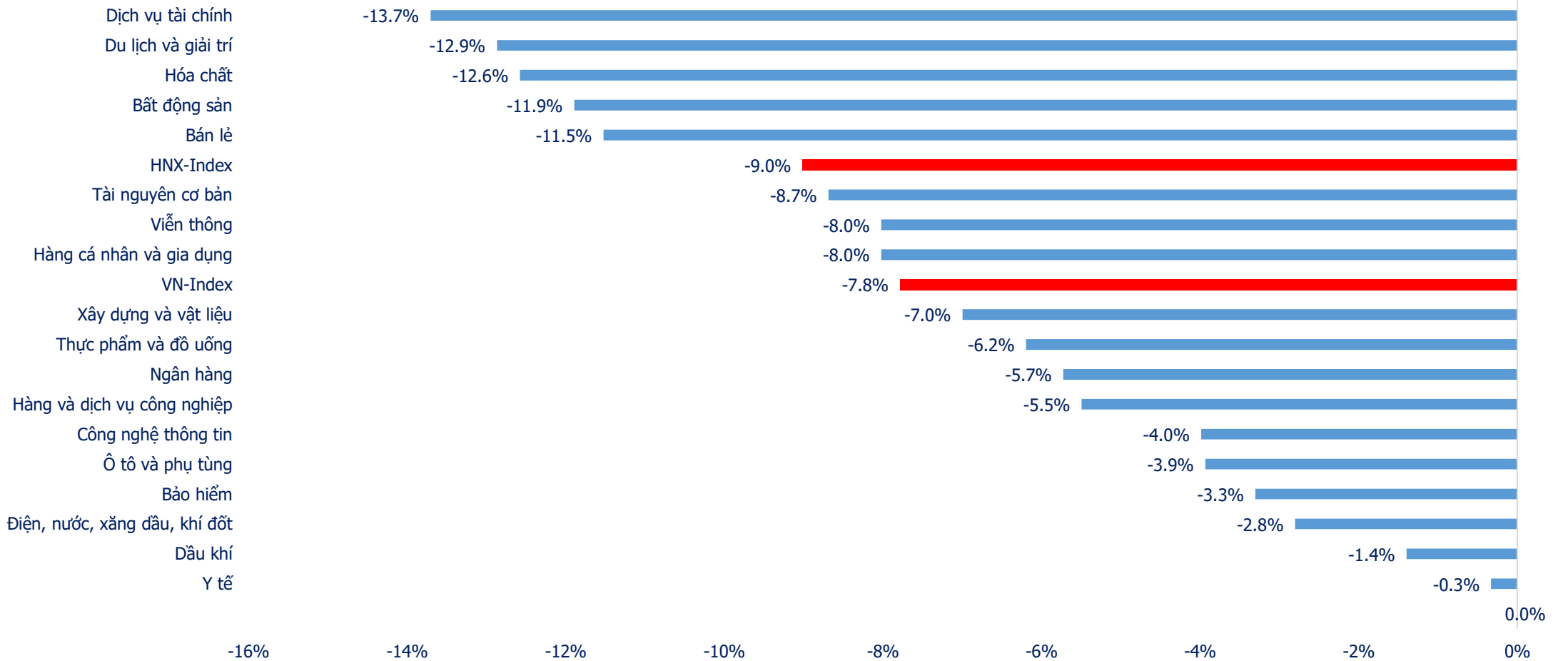


Nguồn: Bloomberg, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 2/2023



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

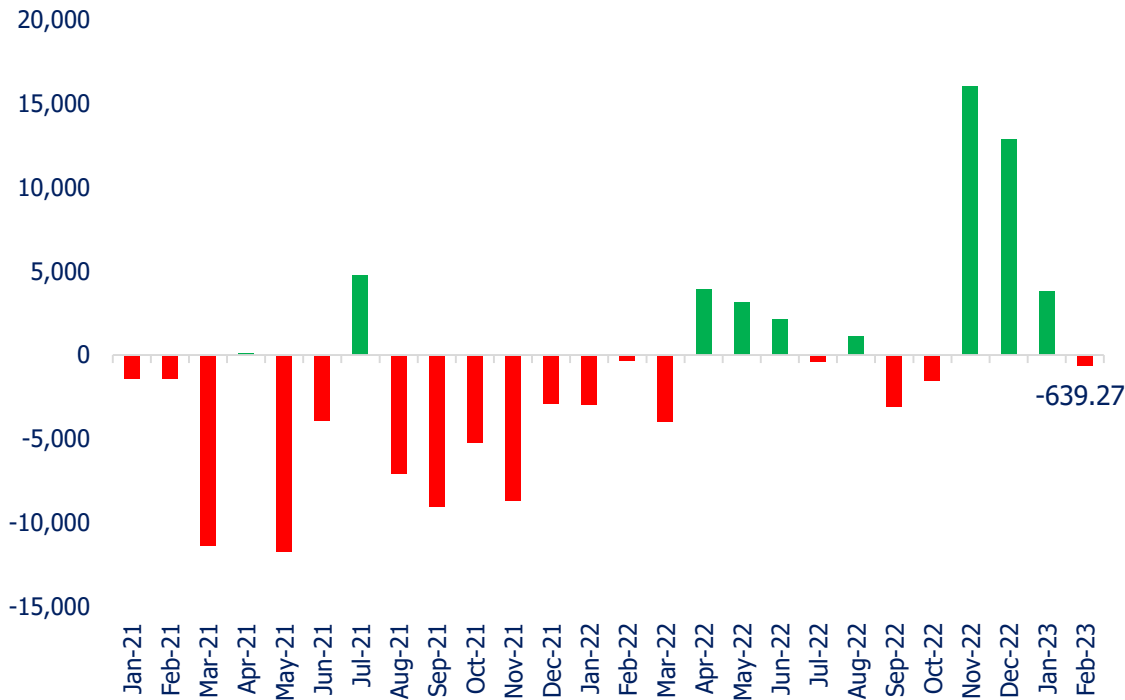


Biến cơ hội thành giá trị

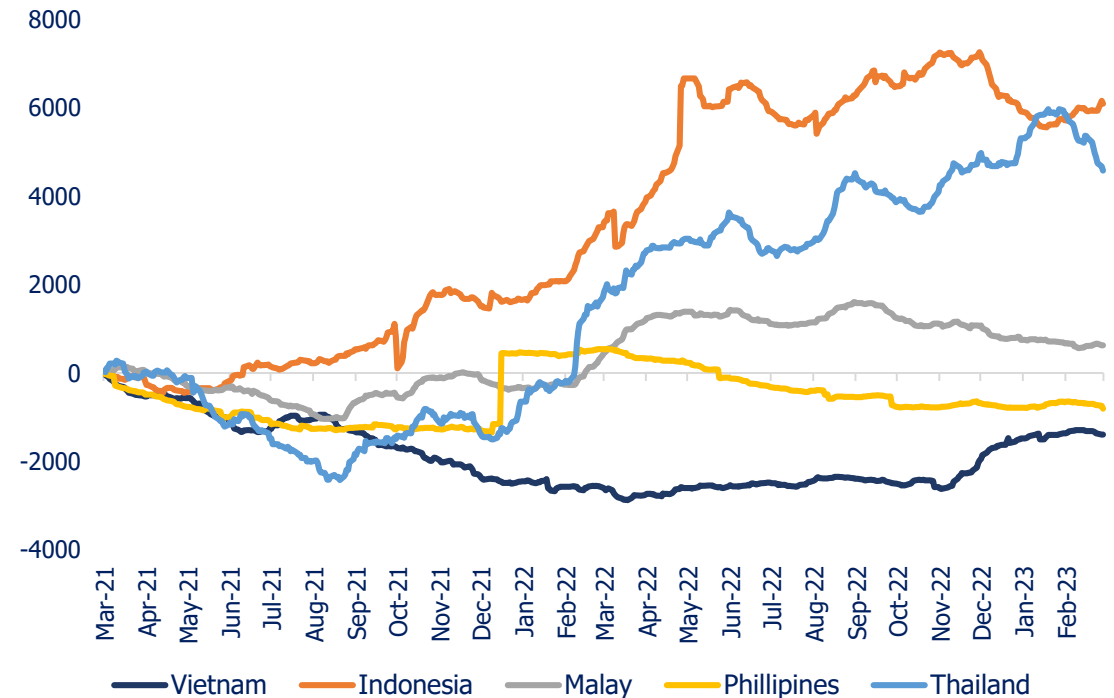
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Sau 3 tháng mua ròng mạnh liên tiếp trên HOSE với tổng cộng 32.596,2 tỷ đồng, khối nhà đầu tư nước ngoài đã quay trở lại bán ròng trong tháng 2/2023 với giá trị 639,3 tỷ đồng. Trong khi đó khối này tiếp tục duy trì mua ròng tháng thứ 4 liên tiếp tại HNX và Upcom với giá trị lần lượt 350,6 tỷ đồng và 26 tỷ đồng. Như vậy tính chung 3 sàn, khối ngoại bán ròng 262,7 tỷ đồng.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tại HOSE từ 2021 (tỷ đồng)



Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2021-2023)

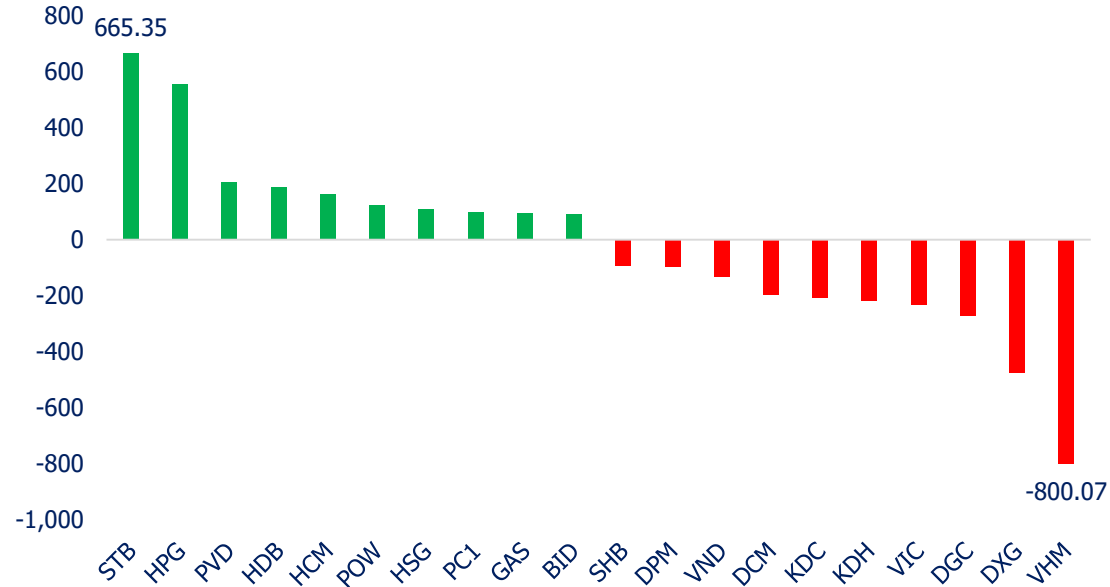


Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

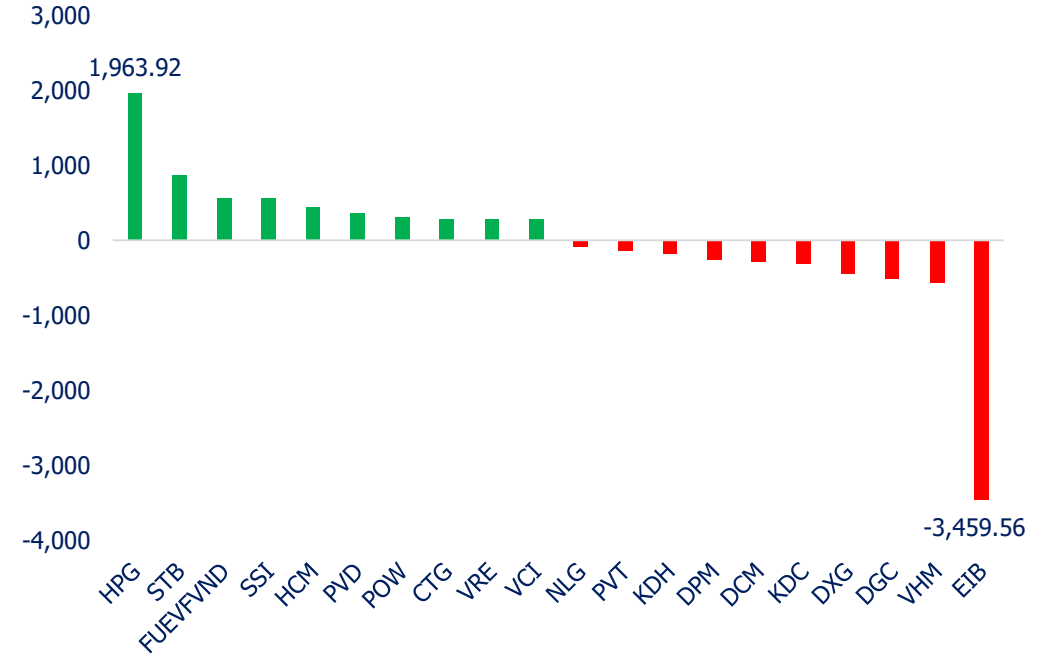


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất tại HOSE tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất tại HOSE 2 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

Tại HOSE, VHM là mã chứng khoán bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tháng 2 với 800 tỷ đồng. Trong khi đó, STB là mã chứng khoán được mua ròng mạnh nhất với 663,3 tỷ đồng.

Cổ phiếu EIB và VHM bị bán ròng mạnh nhất trong 2 tháng đầu năm với lần lượt 3.459,56 tỷ đồng và 564,39 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, HPG và STB là hai mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt đạt 1.963,92 tỷ đồng và 875,04 tỷ đồng.



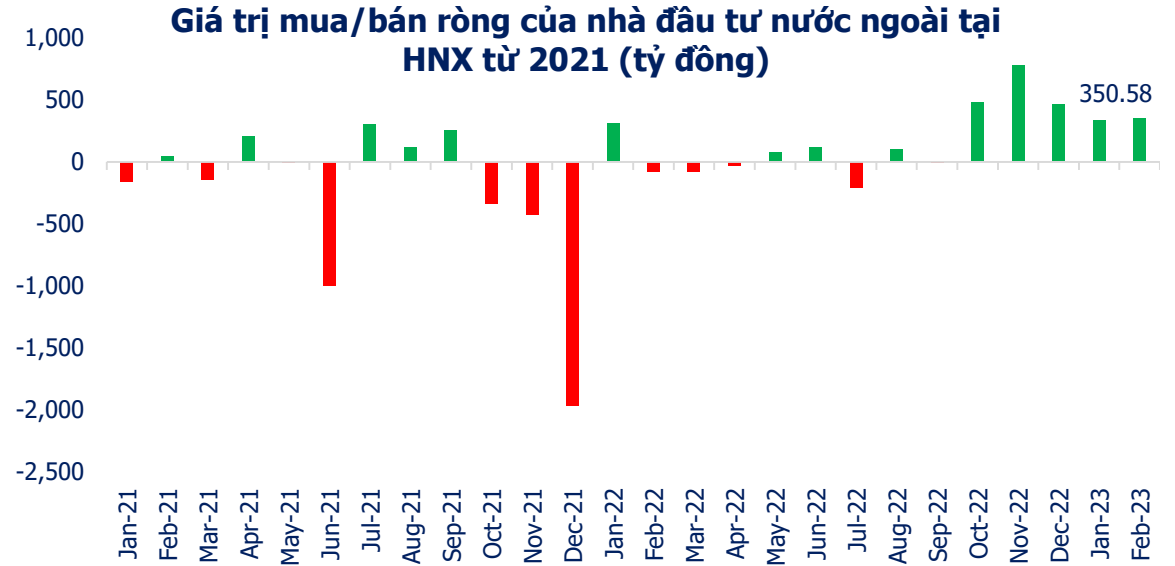
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

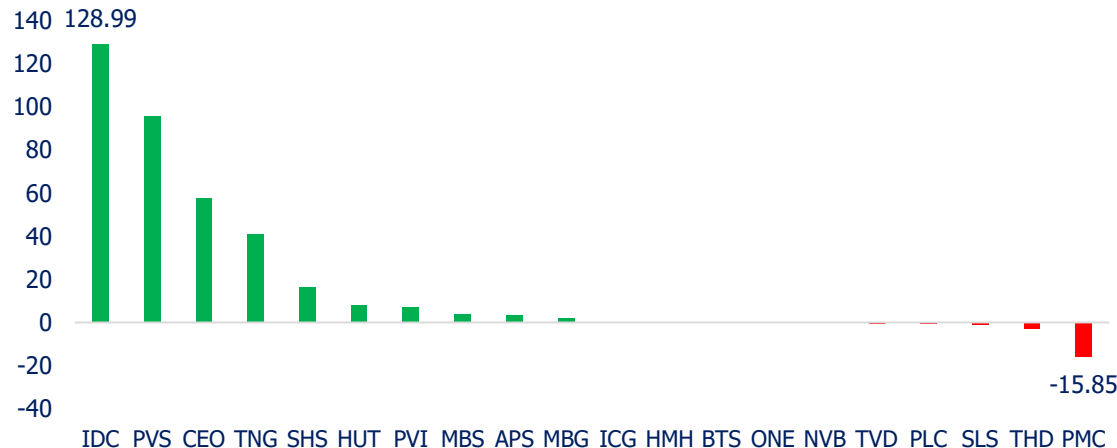
Khối ngoại mua ròng 350,58 tỷ đồng tại HNX trong tháng 2. Lũy kế từ đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên sàn HNX với giá trị 685,02 tỷ đồng.

IDC là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất trong tháng 2 với 128,99 tỷ đồng. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, PMC là mã chứng khoán bị bán ròng mạnh nhất với 15,85 tỷ đồng. Tính chung trong 2 tháng, IDC và PVS là hai mã được mua ròng mạnh nhất. Trong khi đó, PMC và SLS là hai mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất.

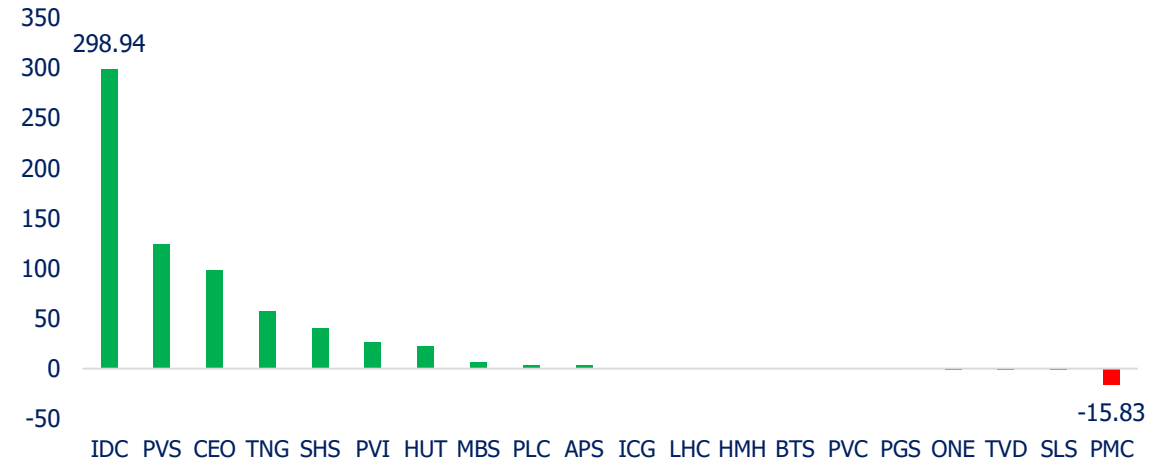
Nguồn: Fiigroup, SHS Research



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX 2 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)





Biến cơ hội thành giá trị

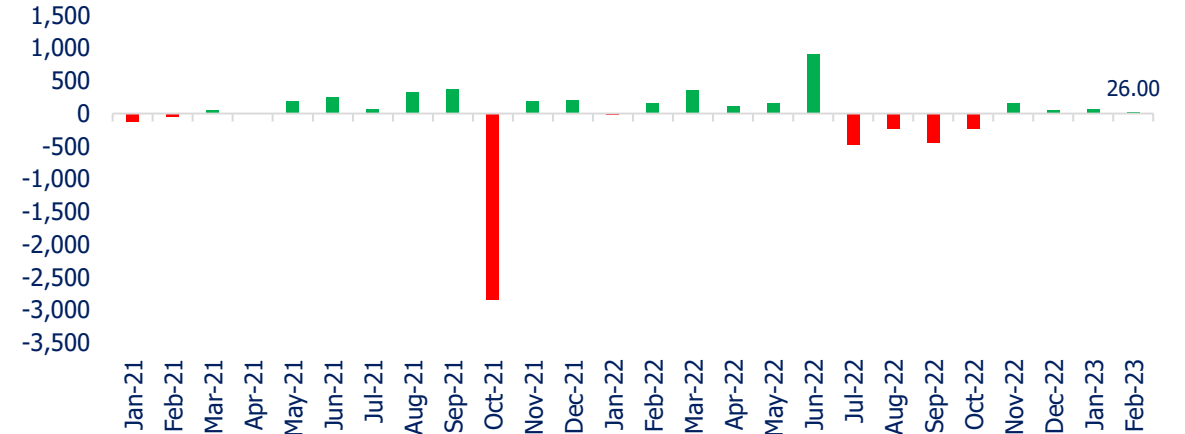
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Khối ngoại mua ròng 26 tỷ đồng trên UPCOM trong tháng 2. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, khối này mua ròng trên UPCOM với giá trị 90,96 tỷ đồng.

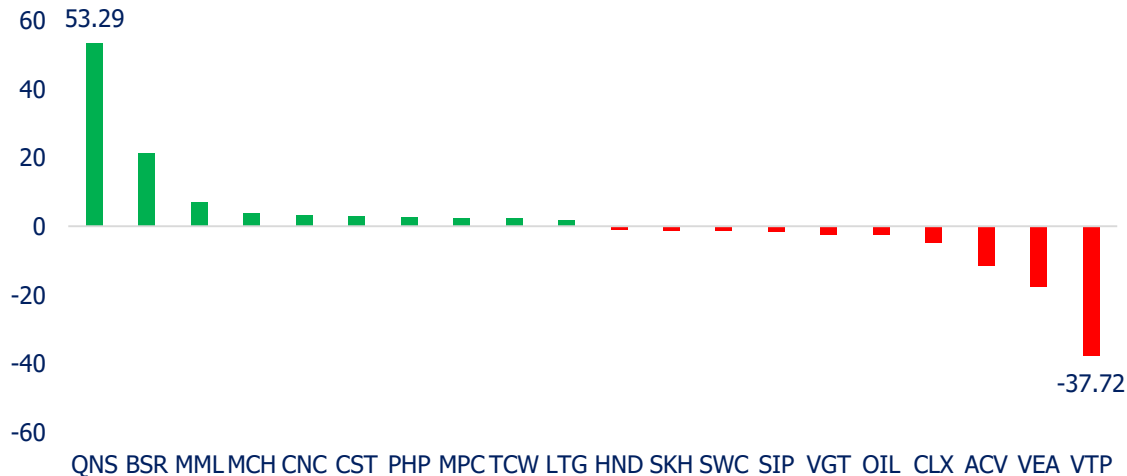
QNS là mã được mua ròng mạnh và VTP là mã bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tháng 2. Tính từ đầu năm, BSR và QNS là hai mã được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt là 127,09 tỷ đồng và 62,61 tỷ đồng. VTP và VEA là hai mã bị bán ròng nhiều nhất trong 2 tháng với giá trị ròng lần lượt 93,17 tỷ đồng và 18,46 tỷ đồng.

Nguồn: Fiigroup, SHS Research

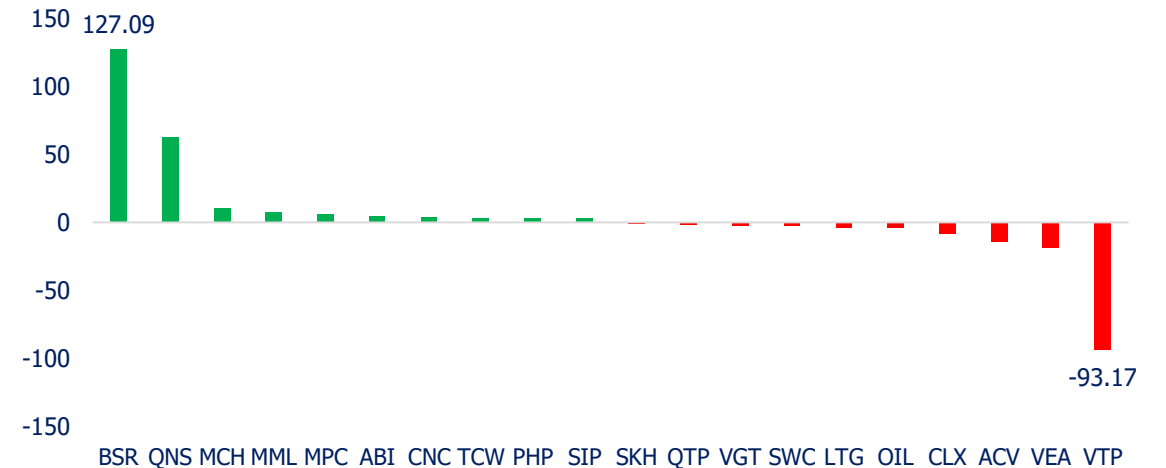
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM từ 2021 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM 2 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

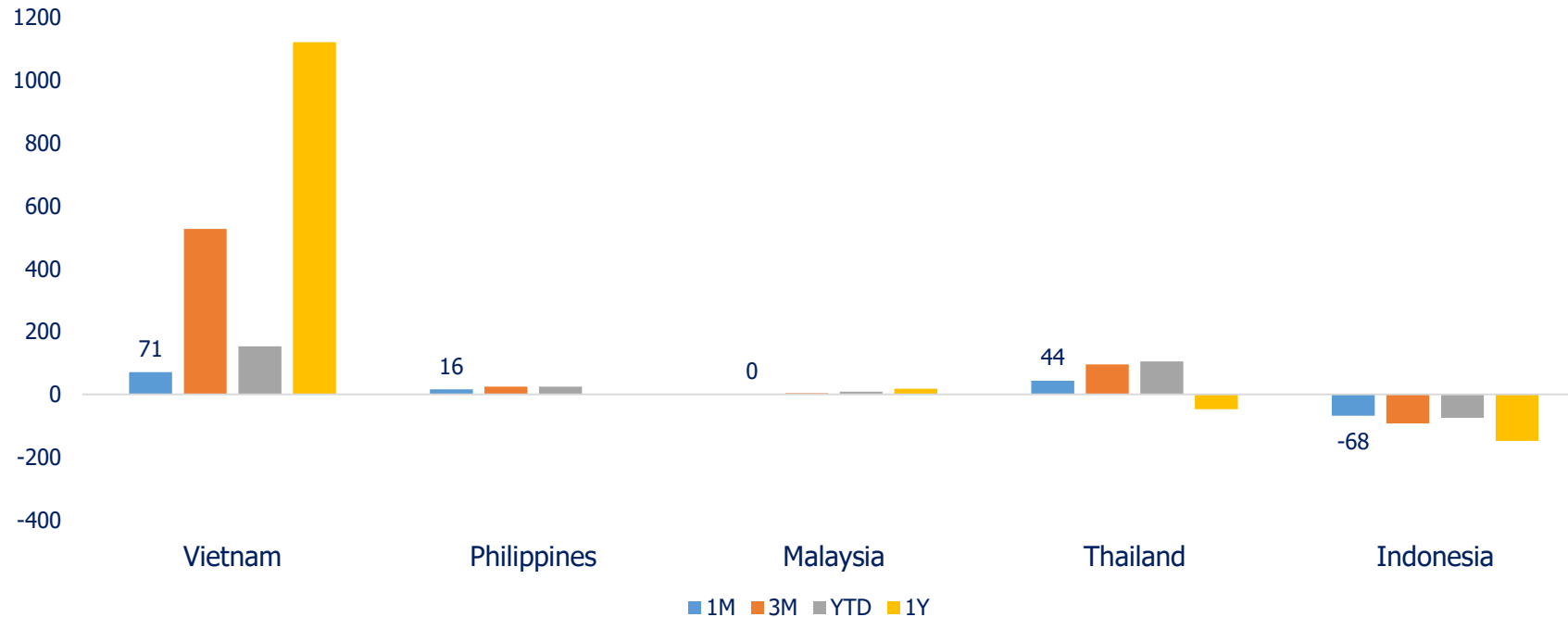




TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Dòng vốn ETF trong tháng 2 tại Đông Nam Á tiếp tục duy trì hút ròng tại Việt Nam (71 triệu USD), Thái Lan (44 triệu USD) Philippines (16 triệu USD) trong khi Indonesia chứng kiến tháng rút ròng thứ 2 liên tiếp với giá trị 68 triệu USD chủ yếu đến từ iShares MSCI Indonesia ETF. Sau một năm giải ngân bùng nổ và đạt đỉnh 2 tháng cuối năm 2022, dòng tiền ETF giải ngân vào thị trường Việt Nam có dấu hiệu hạ nhiệt trong tháng 2 và đảo chiều bán ở một số quỹ như DCVFMVN30 ETF (rút 2,4 triệu USD sau 5 tháng vào ròng liên tiếp), quỹ KIM Growth (rút ròng 2,7 triệu USD).

**Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)**



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	657	1.2	659,400,000	1.4	82.5	30.6	334.4
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	560	0.5	1,390,238,000	0.0	100.7	1.5	482
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	290.5	0.9	380,300,000	(2.4)	25.7	24.8	-13.1
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	323.5	14.9	26,650,000	3.7	151.8	89.2	166.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	268.7	33.7	8,901,310	19.7	68	46.4	99.6
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	121.9	0.7	182,100,000	0.2	14.2	6.7	44.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	129.5	15.7	8,000,000	16.8	22.0	-51.1	9.4
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	21.1	9.9	2,320,000	0.0	0.0	0.0	-2.4
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	10.9	1.0	16,000,000	0.0	-3.0	-0.5	-2.0
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.2	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4.7	19.5	190,000	0.8	1.6	0.8	3.1
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	3.3	0.8	5,400,000	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	4.7	10.6	500,000	0.0	1.3	0.8	1.9
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	14.9	0.3	51,500,000	-2.7	-0.7	-2.7	0.0

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



**TRIỂN VỌNG
TTCK
THÁNG 03**



TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 3

Biến cơ hội thành giá trị

Sau khi hồi phục tốt trong tháng 1 với mức tăng 10,3%, chỉ số VN-INDEX đã suy giảm trở lại trong tháng 2 với mức giảm 7,8% và gần như lấy đi toàn bộ mức tăng kể từ đầu năm. Tuy nhiên, VN-INDEX hiện tại vẫn đang ở mức cao hơn cuối năm 2022 (1.007,09 điểm).

Về mặt xu hướng, tín hiệu kỹ thuật của VN-INDEX hiện đang không được tốt khi chỉ số này vẫn nằm dưới các đường MA100 (1.033 điểm), MA20-50 (1.053 điểm) và MA200 (1.128 điểm). Sẽ cần sự nỗ lực rất lớn trong thời gian tới để lấy lại các ngưỡng kể trên.

Thanh khoản trong giai đoạn gần đây cũng có sự suy giảm mạnh và thường xuyên nằm dưới mức trung bình của 20 phiên gần nhất cho thấy là nhà đầu tư có lẽ đang dần trở nên chán nản với diễn biến thị trường hiện tại.

Chúng tôi dự đoán thị trường có thể sẽ đi ngang và giằng co trong tháng 3 với biên độ trong khoảng 1.015 điểm - 1.095 điểm, nhưng vẫn sẽ kết tháng với mức tăng nhẹ do tháng 3 là tháng có xác suất tăng điểm cao nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam (72%).



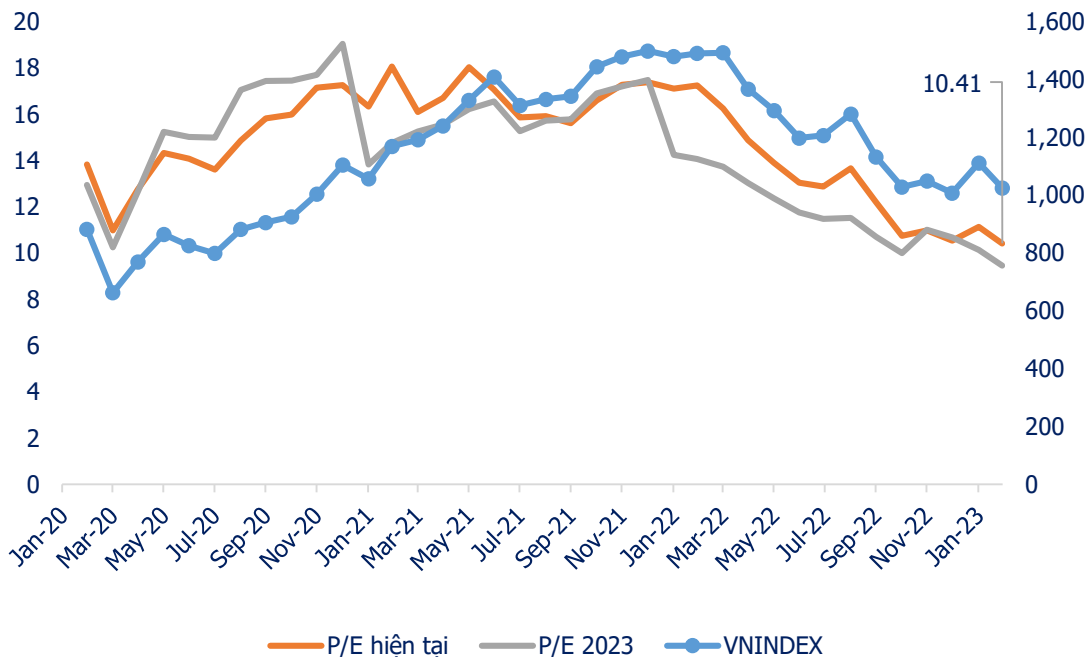


TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 3

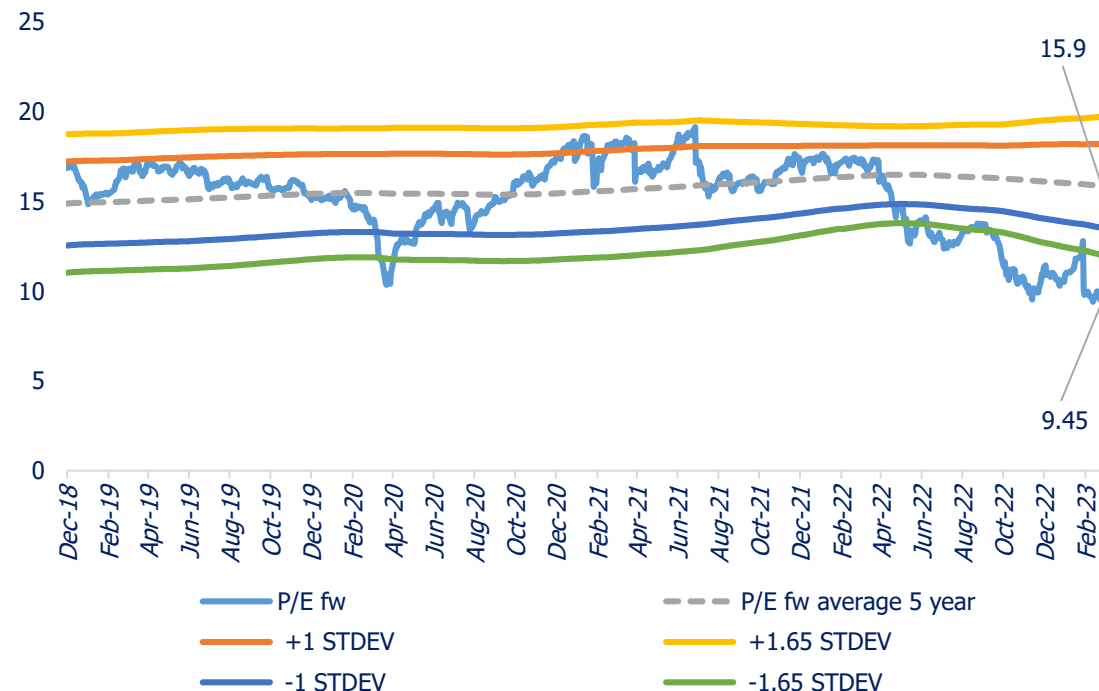
Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 2/2023, định giá toàn thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E của chỉ số VN-Index đang ở mức 10,41 lần, thấp hơn 37% so với mức trung bình trong 10 năm gần nhất (16,5 lần).

Định giá TTCK VN



P/E forward VNIndex



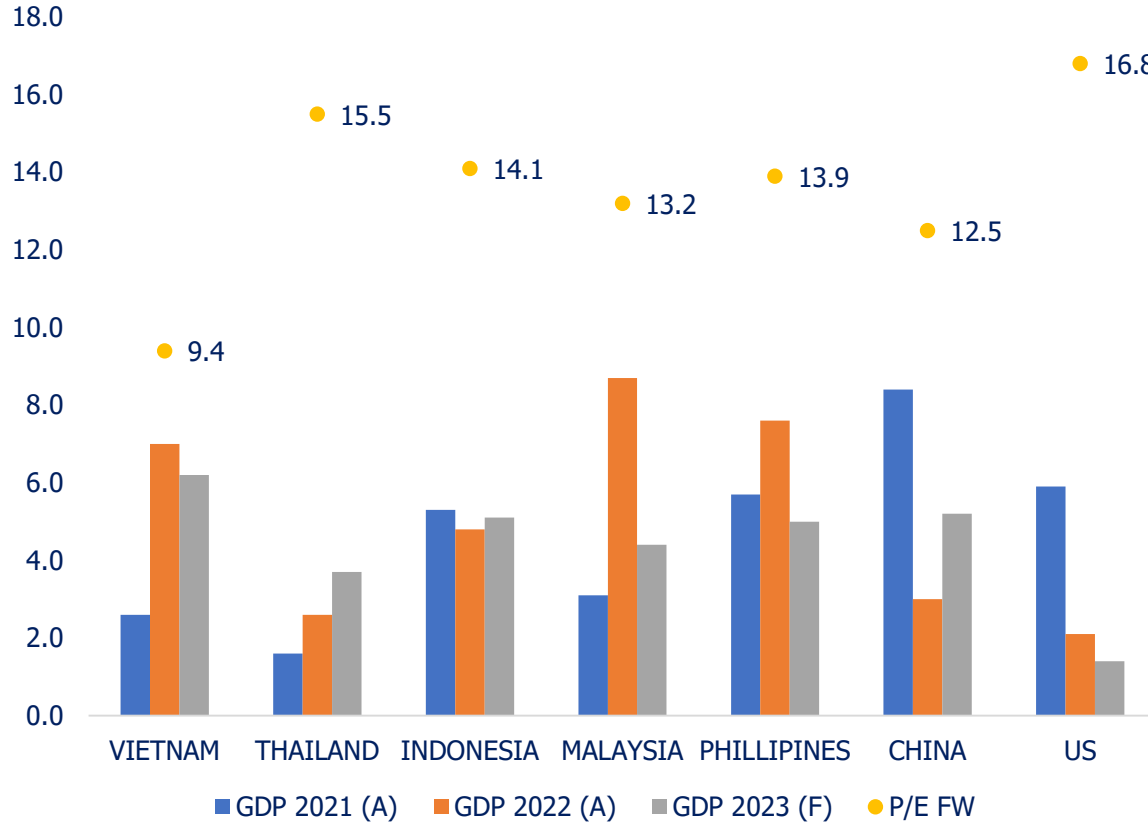
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



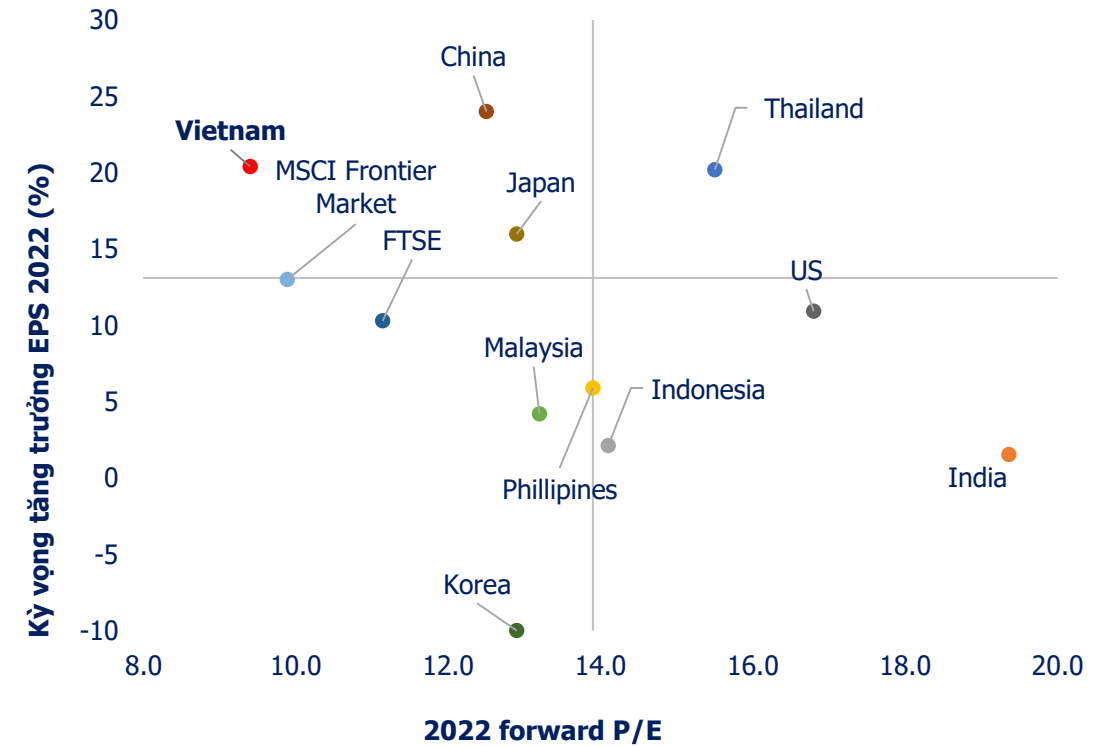
Biến cơ hội thành giá trị

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 3

TTCK VN so với các nước trên thế giới



Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2022

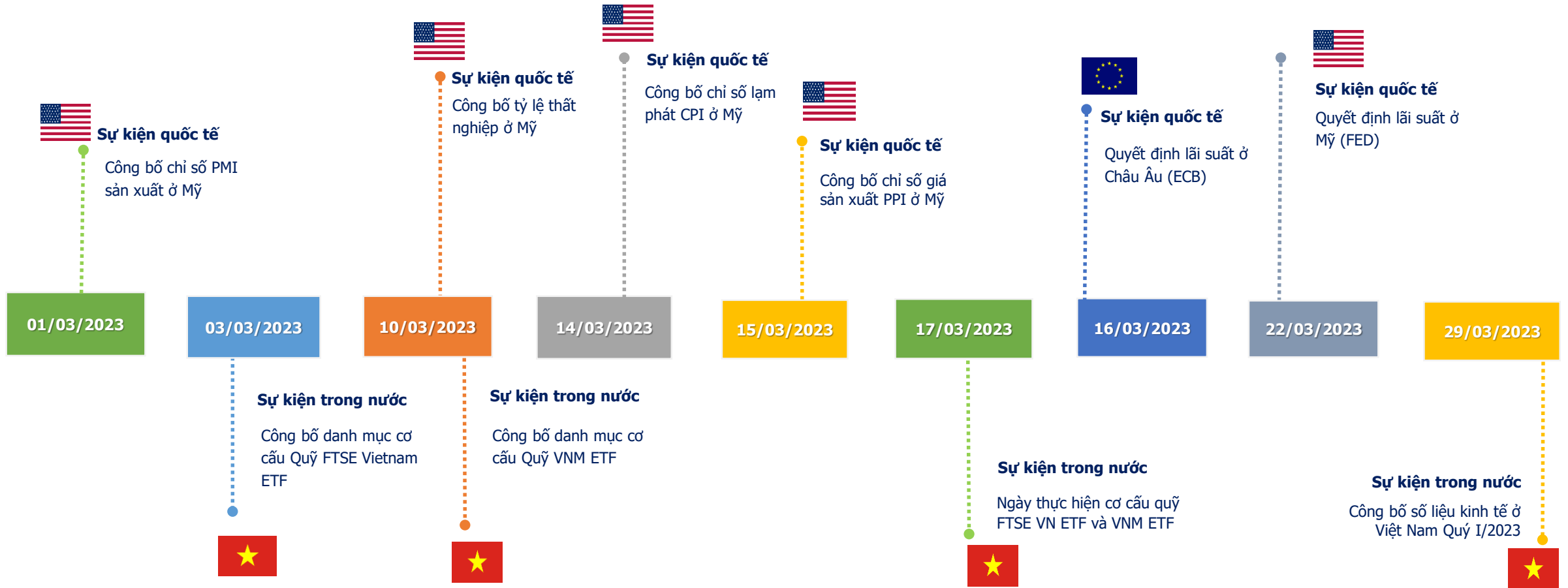


Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 3





**DANH SÁCH
MÃ KHUYẾN NGHỊ
NĂM 2023**

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

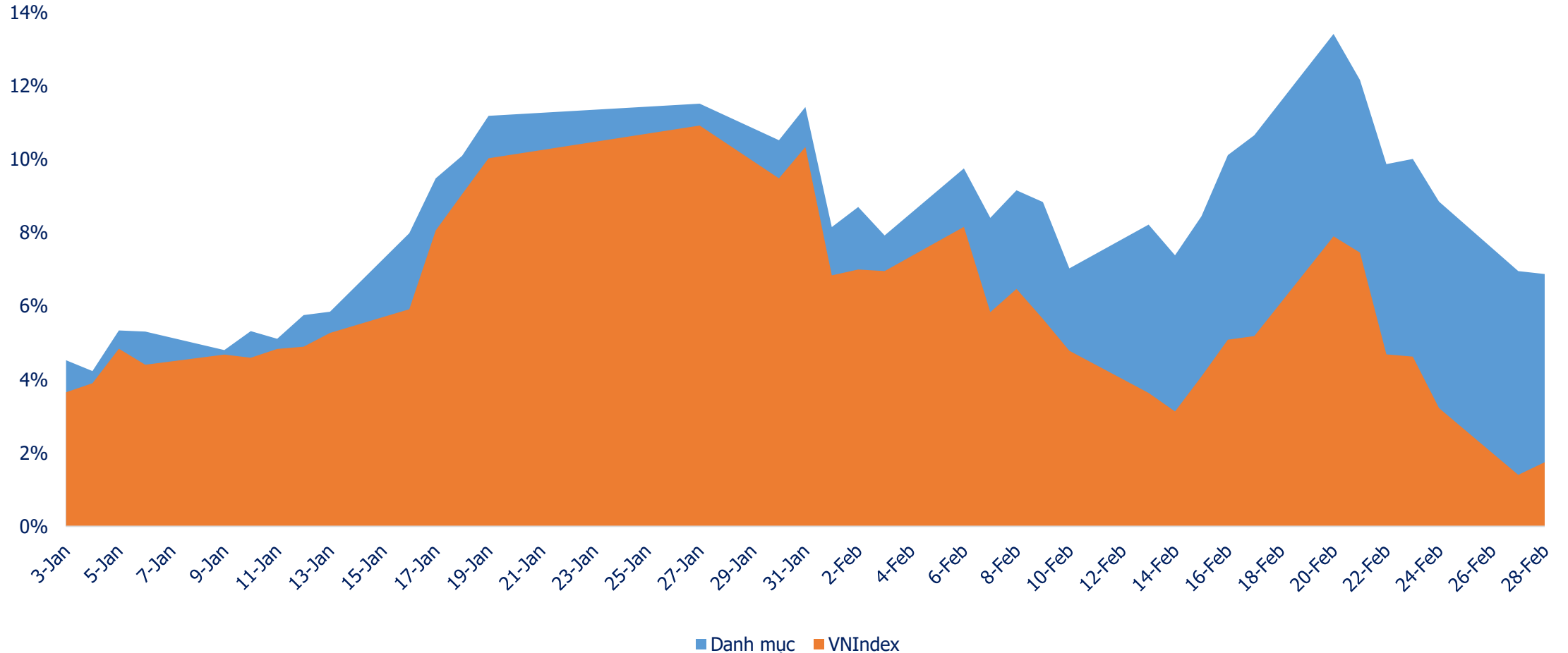
Dec



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Diễn biến danh mục so VN-Index





DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PKTK (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 2/2023	Giá tại ngày 28/2/23	Ghi chú
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	125-130	202.687	+27,5%	<ul style="list-style-type: none"> Nhà cung cấp khí lớn nhất Việt Nam, chiếm 70% thị phần LPG cả nước, được hưởng lợi từ môi trường giá dầu cao. Khả năng tài chính mạnh với tiền mặt 34.275 tỷ đồng, tương đương 17.900đ/cổ phần, chiếm 41% tổng tài sản và 1,6 lần tổng nợ phải trả. Kho chứa 1 triệu tấn LNG Thị Vải đã hoàn tất và dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động trong năm 2023. Triển vọng của GAS còn lớn khi các dự án điện khí đang được triển khai. Hệ số định giá hấp dẫn. PE PB hiện là 13,7x, giảm 50% so với mức đỉnh lịch sử đã thiết lập vào tháng 3.2022 thấp hơn 13% so với trung bình 10 năm trở lại đây.
PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	29-30	11.615	+15,6%	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với 19 tàu dịch vụ, 6 kho nổi FSO/FPSO, 8 cảng dịch vụ. Luật Dầu khí sửa đổi được thông qua kỳ vọng sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn cho các hoạt động dầu khí, trong đó có hoạt động đầu tư mới vào các dự án khai thác và thăm dò dầu khí (E&P). Hệ số định giá hấp dẫn. PE hiện là 15x, giảm 51% so với mức đỉnh lịch sử đã thiết lập vào đầu tháng 3.2022. Hệ số PB 0,95x, thị giá thấp hơn giá trị sổ sách. Tình hình tài chính ổn định với lượng tiền và tương đương tiền gần 10.000 tỷ đồng, gấp 1,13 lần nợ ngắn hạn, chiếm 81% tổng nợ phải trả. Nợ vay chiếm 5,4% tổng nguồn vốn và tương đương 10,5% vốn chủ sở hữu. Giá dầu duy trì ở mức cao kỳ vọng sẽ giúp cải thiện nhu cầu và giá cả các dịch vụ của PVS. Trong tương lai, PVS sẽ được hưởng lợi từ dự án Lô B - Ô Môn (tổng vốn đầu tư 10 tỷ USD) sau khi được chính thức triển khai.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 2/2023	Giá tại ngày 28/2/23	Ghi chú
BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	30-32	27,7	25,8	<ul style="list-style-type: none"> Lãi suất duy trì ở mức cao là yếu tố hỗ trợ KQKD ngành bảo hiểm. SCIC vẫn định hướng thoái vốn tại BMI sau khi đề xuất nới room ngoại lên 100% của BMI được Bộ Tài chính thông qua. BMI công bố ngày GDKHQ tham gia ĐHCĐ là 15/3/2023.
SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	34-36	32,4	26,6	<ul style="list-style-type: none"> SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT) SZC công bố ngày ĐKCC chốt danh sách tham dự ĐHCĐ là 20/3/23, dự kiến tổ chức ngày 18/4/23.
IDC	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam	50-53	43,0	38,4	<ul style="list-style-type: none"> IDC sở hữu danh mục 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Hiện IDC còn 722,7 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ. KCN Hữu Thạnh và Phú Mỹ 2 tiếp tục là động lực tăng trưởng trong năm 2023. SZC công bố ngày ĐKCC chốt danh sách tham dự ĐHCĐ là 20/3/23, dự kiến tổ chức ngày 21/4/23.
POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	16-16,5	12,9	12,1	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 1/2023 ước đạt 1.712 tỷ doanh thu (85% KH tháng), sản lượng thực hiện 105% KH tháng. Tháng 2/2023 POW đạt sản lượng 1,5 tỷ kWh (+36% MoM) và tổng doanh thu 2.809 tỷ đồng (+64% MoM). Năm 2023, PV Power đặt mục tiêu sản lượng điện sản xuất đạt 15,6 tỷ kWh; tổng doanh thu hợp nhất đạt 30.332 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.064 tỷ đồng. POW công bố ngày ĐKCC chốt danh sách tham dự ĐHCĐ là 24/3/23, dự kiến tổ chức ngày 25/4/23.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 2/2023	Giá tại ngày 28/2/23	Ghi chú
DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	75-77	58,5	51,0	<ul style="list-style-type: none"> Kỳ vọng giá dầu ở mức cao và sự mở cửa trở lại của Trung Quốc sẽ hỗ trợ giá cao su của Việt Nam. KCN Bắc và Nam Đồng Phú mở rộng (tổng diện tích 797 ha) đang được triển khai và dự kiến KCN Bắc Đồng Phú sẽ bắt đầu cho thuê từ 2023 với giá thuê kỳ vọng 75USD/m²/kỳ thuê, cao hơn khoảng 40% so với giá thuê trung bình của 2 KCN hiện tại của DPR. Dự án Nam Đồng Phú dự kiến có thể cho thuê từ 2026. Có thể nhận được tiền đền bù đất trong trường hợp tỉnh Bình Phước chuyển giao một phần diện tích đất DPR đang quản lý cho đơn vị khác để sản xuất kinh doanh, giá đền bù khoảng 1 tỷ đồng/ha. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú phát hành 443.025 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành 4.430.250.000 đồng để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đak Nông.
PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	33-34	33,8	29,6	<ul style="list-style-type: none"> Màng nhựa đường đóng góp ~50% doanh thu 2022 của PLC. Theo số liệu cập nhật đến 2020, PLC chiếm khoảng 30% thị phần với hệ thống kho – phân phối rộng khắp cả nước. Hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư công của Chính phủ khi PLC là nhà cung cấp nguyên vật liệu cho nhiều dự án trọng điểm. Giai đoạn 2023-2025 sẽ có nhiều tuyến cao tốc được đẩy mạnh hoàn thành và tiếp tục triển khai, đặc biệt là các dự án thành phần Cao tốc Bắc Nam GD1 và GD2. Rủi ro: (1) Rủi ro tỷ giá và giá nguyên vật liệu đối với mảng mở nhờn, (2) Rủi ro cạnh tranh mảng hóa chất, và (3) Rủi ro chậm giải ngân đầu tư công đối với mảng nhựa đường.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 2/2023	Giá tại ngày 28/2/23	Ghi chú
FPT	CTCP FPT	120	84,0	80,5	<ul style="list-style-type: none"> Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền mặt gần 19.000 tỷ đồng, (chiếm 37,7% tổng tài sản và tương đương 74% tổng nợ phải trả), nợ vay giảm mạnh 7.700 tỷ đồng về 12.380 tỷ đồng và được kiểm soát ở mức thấp (25% tổng vốn) Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) được hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và Việt Nam.
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50-52	47,35	44,1	<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng dẫn đầu về quy mô tổng tài sản (2,1 triệu tỷ đồng), huy động (1,47 triệu tỷ đồng) và cho vay (dư nợ 1,52 triệu tỷ đồng). Ngân hàng có cải thiện đáng kể về nền tảng cơ bản trong giai đoạn 2020-2022. ROE đã tăng gấp đôi từ 9% lên 19%, tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,76% xuống 1,16%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 217%, cao thứ 3 toàn ngành. Câu chuyện đầu tư: Tập trung tăng vốn điều lệ để cải thiện chất lượng tài sản. BID sẽ trả cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%, chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ tỷ lệ 9%.
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	29-30	27,3	23,75	<ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch lợi nhuận 2023 là 12.679 tỷ đồng (EPS 2023 đạt 5.380 đ/cp), tăng 100% YoY sau khi hoàn thành đề án tái cơ cấu. Giai đoạn tái cơ cấu giúp STB lành mạnh hóa khoản mục tài sản, hạn chế rủi ro nợ xấu mới phát sinh, không chịu rủi ro mảng trái phiếu doanh nghiệp. Tỷ lệ nợ xấu của STB đã giảm mạnh, từ 6,68% tại thời điểm năm 2017 xuống còn 0,98% vào cuối năm 2022, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 131%. Câu chuyện đầu tư. Định hướng trình NHNN phương án xử lý 32% cổ phiếu đảm bảo do VAMC quản lý, đấu giá KCN Phong Phú để xử lý nợ. Chia cổ tức, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược sau khi tái cơ cấu.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 2/2023	Giá tại ngày 28/2/23	Ghi chú
GMD	CTCP Gemadept	59-60	59-60	56,2	<ul style="list-style-type: none"> Có thể ghi nhận lãi bất thường từ thoái toàn bộ vốn (~85%) tại cảng Nam Hải Đình Vũ trong năm 2023. Dự án cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2 với công suất tương đương cảng Nam Hải Đình Vũ hoàn thành đầu năm 2023 có thể đạt mục tiêu lấp đầy 100% công suất ngay sau khi đi vào hoạt động. Dự án Gemanlink GD2 đang được triển khai và dự kiến đưa vào khai thác từ 2024.
PVT	Tổng CTCP Vận tải Dầu khí	26-28	26-28	21,6	<ul style="list-style-type: none"> Được hưởng lợi từ giá cước vận tải dầu tăng. PVT có 80% tàu hoạt động tuyến quốc tế, đóng góp từ 60% đến 65% tổng doanh thu của Công ty, trong đó, đội tàu chở dầu thô chiếm khoảng 35-40%. Hợp đồng cho thuê tàu định hạn kết thúc trong năm 2023 kỳ vọng sẽ được cập nhật mức giá thuê tốt hơn. PVT công bố ngày ĐKCC chốt danh sách tham dự ĐHCĐ là 16/3/23.
CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	41-42	41-42	33,65	<ul style="list-style-type: none"> CSV là một trong số các đơn vị sản xuất hoá chất vô cơ lớn nhất cả nước. Khả năng tài chính mạnh với lượng tiền mặt 525 tỷ đồng (30% tài sản), dư nợ vay thấp (126 tỷ đồng, tương đương 43% tổng nợ phải trả), tài sản cố định dự kiến hết khấu hao vào cuối năm 2025. CSV có lịch sử trả cổ tức tốt (Trung bình 50% lãi sau thuế hàng năm). CSV công bố tổ chức ĐHCĐ ngày 26/4/23.
PNJ	CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	120	120	91,5	<ul style="list-style-type: none"> Một trong những thương hiệu trang sức uy tín tại Việt Nam với 364 cửa hàng (+22 cửa hàng so với 2021), 6 thương hiệu Tình hình tài chính với hệ số nợ/vốn chủ 55% (TB ngành là 1,62), ROE đạt 24,75% (TB ngành là 18,76%). Doanh thu tháng 1/2023 đạt 4.129 tỷ đồng (+18,8% YoY), lãi sau thuế 302 tỷ đồng (+11,8% YoY), biên lãi gộp TB 18,2% (cùng kỳ 18,7%) do doanh thu bán sỉ giảm 32,7%.



Biến cơ hội thành giá trị

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn